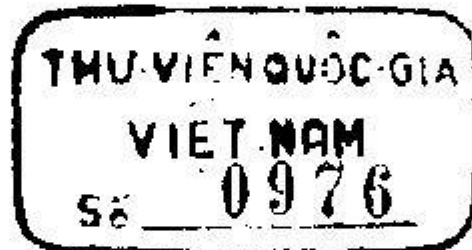


VAI - TRÒ CHÍNH - TRỊ

TỐI - CAO PHÁP - VIÊN

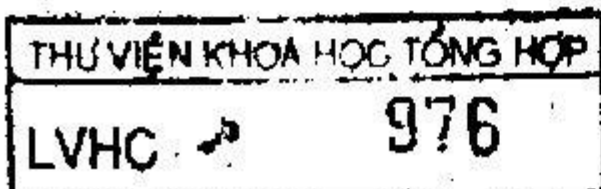


GIÁO-SƯ HƯỚNG DẪN
Giáo-sư NGUYỄN-QUỐC-TRỊ
TIẾN SĨ HÀNH CHÁNH HỌC
VIỆN TRƯỞNG HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÁNH

HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Suối Mây Sài Gòn

SAIGON 1973



HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

Không tán thành cũng không phủ định
những ý kiến phát biểu trong Luận văn.

Những ý kiến đó do tác giả
hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Thành kính tri ân

Giáo Sư **NGUYỄN-QUỐC-TRI**
Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia Hành Chính

*Đã ưu ái nhận hướng dẫn đề tài
Luận văn này của chúng tôi*

Chân thành cảm tạ

Giáo Sư **ĐỖ-QUY-SANG**

Đã tâm tình hướng dẫn chúng tôi
về phương pháp sưu tầm tài liệu,
trình bày nội dung để hoàn chỉnh
đề tài Luận văn này.

Kính dâng Hương Hoa Ba

sự học hành của con

Chương mến Hằng con của Mẹ

BÉ TRẦN-VIỆT-NGUYỄN

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
Chương I.- D ẫ N N H ậ P	01
I.- Lược sử Nền Tư-Pháp Việt-Nam.....	03
II.- Quan-Điểm của Nhà Lập-Hiến 1966 về quyền Tư-pháp.....	05
III.- Phương pháp sưu tầm tài-liệu và nội dung Luận-văn.....	06
 <u>P H ầ N I</u> 	
THẨM QUYỀN CHÍNH-TRỊ CỦA TỐI CAO PHÁP-VIÊN	
	08
Chương II.- THẨM-QUYỀN NGOẠI TÀI PHÁN CÓ TÍNH-CÁCH CHÍNH-TRỊ.....	10
Mục I.- Bảo Vệ Nhân-Quyền và Công-Dân quyền.	10
I.- Quản-trị ngành ư-Pháp độc-lập...	10
II.- Những quyền Tự-Do Công-Cộng.....	13
III.- Phương cách bảo vệ quyền tự-do công-cộng.....	16
Mục II.- Tổ chức hầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống.....	17
Mục III.- Chỉ định Giám-Sát-Viện.....	21
Chương III.- THẨM QUYỀN TÀI PHÁN CHÍNH-TRỊ.....	23
Mục I.- Thẩm quyền tài phán chính trị.....	24
I.- Giải-thích Hiến-Pháp.....	25
II.- Kiểm hiến các văn-kiến Lập-Pháp..	26
III.- Kiểm hiến và kiểm pháp các văn- kiến lập quy.....	34
IV.- Giải tán chính đảng.....	35

Mục	II.- Công-lý chính-trị.....	39
	I.- Thẩm-quyền dự pháp của Tối- Cao Pháp-Viện.....	40
	II.- Công-lý chính-trị và Đặc biệt Pháp-Viện.....	42
<u>PHẦN II</u>		
	TỐI CAO PHÁP VIỆN TRONG SINH HOẠT CHÍNH-TRỊ QUỐC-GIA.....	45
Chương	IV.- KHUYNH HƯỚNG CHÍNH-TRỊ CỦA TỐI-CAO PHÁP VIỆN.....	46
Mục	I.- Án-Lệ Bảo-Hiến.....	46
	I.- Án-lê giải-thích Hiến-Pháp.....	46
	II.- Án lệ kiểm hiến.....	51
	III.- Án-lê kiểm pháp.....	56
Mục	II.- Khuy nh-hướng của Tối-Cao Pháp-Viện..	56
	I.- Điều hòa sinh hoạt chính-trị Quốc-gia.....	56
	II.- Xây dựng nền dân chủ phôi thai....	58
Chương	V.- MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP CHÍNH-TRỊ CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN.....	60
Mục	I.- Thành phần Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp- Viện.....	61
	I.- Thành phần Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện.....	61
	II.- Cuộc khủng hoảng về thành phần Tối-Cao Pháp-Viện.....	62
Mục	II.- Những áp lực đối với Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện.....	63
	I.- Áp lực của dư-luận và cử tri đoàn.	63
	II.- Áp lực của cơ-quan Lập-Pháp và Hành-Pháp.....	66

III.- Quyền lợi Quốc-Gia.....	66
Mục III.- Mức độ độc lập chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện.....	67
I.- Ưu Thế của quyền Hành-Pháp trước trào lưu chính-trị hiện đại.....	67
II.- Mức độ độc lập và uy tín của Tham Phán Tối-Cao	68
Chương VI.- K Ế T L U Ậ N.....	70
I.- Tóm lược nội dung Luận văn.....	70
II.- Những khuyết điểm của Luận-văn.....	71
III.- Nhận xét tổng-quát về vai-trò chính-trị Tối-Cao Pháp-Viện.....	72

CHƯƠNG I

DẪN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Hầu hết các thẩm-quyền có tính-cách chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện Việt-Nam Cộng-Hòa đều được quy-định trong điều 81 Hiến-Pháp 1967 như sau :

1- Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền giải-thích Hiến-Pháp, phán-quyết về tính-cách hợp-hiến hay bất hợp hiến của các đạo-luật, sắc-luật ; tính-cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh.

2- Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền phán-quyết về việc giải-tán một chính-đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chính-thể Cộng-hòa.

3- Trong những trường-hợp này, Tối-Cao Pháp-Viện sẽ họp khoáng-đại toàn viện, các đại-diện Lập-pháp hoặc Hành-pháp có thể tham dự để trình bày quan-điểm.

4- Những quyết-định của Tối-Cao Pháp-viện tuyên bố một đạo-luật bất hợp hiến hoặc giải-tán một chính đảng phải hội đủ đa số ba phần tư tổng số Tham phán Tối-Cao Pháp-Viện.

Luật Hiến-Pháp đối chiếu cho ta thấy rằng thẩm quyền này thường được giao phó cho một trong hai loại cơ quan hoặc bằng một cơ-quan chính-trị hoặc bằng một cơ-quan tài-phán. Niễn-Pháp nước ta đã chọn cơ-quan tài-phán khi qui-định cho Tối-Cao Pháp-Viện, một tòa án cao nhất quốc-gia, thẩm quyền bảo-hiến nói trên.

Bảo hiến bằng một cơ-quan chính-trị thông thường là trao nhiệm-vụ bảo-hiến cho một hội-nghị đại diện toàn-dân với mục-đích kiểm soát và làm thăng bằng ba công quyền Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-Pháp trong Quốc-gia.

Nhưng cơ-quan chính-trị này thường giải-thích Hiến-pháp và kiểm-soát hiến tính các văn-kiến lập-pháp và lập qui theo một quan-điểm chính-trị, trong khi việc giải-thích và kiểm hiến này đòi hỏi ở một quan điểm hoàn toàn pháp-lý do các luật-gia chuyên nghiệp đảm-trách.

Đôi khi vấn đề giải-thích và kiểm-hiến được thực-hiện bằng cách trưng cầu dân ý như Hiến-Pháp đệ ngũ Cộng-hòa Pháp-quốc đã quy-định vì người ta quan-niệm ý-chí quốc-dân có căn bản hiến tính và phù-hợp với thực tại chính-trị.

Bảo hiến bằng một cơ-quan tài-phán có thể được thực-hiện bằng một trong hai phương-cách hoặc chính tổ hoặc khước-biện. Theo phương cách chính-tổ, thể-nhận hay pháp-nhận nào khi nhận thấy một văn-kiến lập-pháp hay lập quy có tính-cách vi hiến hay bất hợp pháp thì họ có quyền khởi-tổ văn-kiến đó trước một tòa án hiến định. Theo phương-cách khước-biện, một vụ tranh tụng đang được xử trước bất cứ tòa-án nào, các tụng phương đều có quyền nêu khước-biện bất hợp hiến hay bất hợp pháp của văn-kiến lập-pháp hay lập-quy mà tòa án đó định áp-dụng đối với họ. Nếu khước-biện được chấp-nhận thì tòa án thụ-ly phải đình hoãn việc tuyên xử vụ kiện chánh cho tới khi có phán-quyết về giá-trị của văn-kiến bị chỉ-trích.

Ở Việt-Nam như điều 81 Hiến-pháp đã quy-định chỉ có Tối-cao Pháp-Viện mới có quyền phán-quyết về tính-cách hợp-hiến hay bất hợp hiến, hợp-pháp hay bất hợp pháp của văn-kiến bị chỉ-trích trong cả hai phương cách nói trên.

Vấn đề đặt ra là tại sao các nhà Lập-Hiến năm 1960 đã dành thẩm-quyền này cho Tối-Cao Pháp-Viện ? Để trả lời câu hỏi đó chúng ta cần sơ lược lịch-trình tiến-triển nền Tư-pháp Việt-Nam.

I/- LƯỢC SỬ NỀN TƯ-PHÁP VIỆT-NAM.

Sau khi nước ta thoát khỏi sự đô-hộ của người Pháp và thâu hồi độc-lập, Quốc-Trưởng Bảo-Đại đã ban hành Dự số 4 ngày 18-10-1949 để tổ-chức một hệ-thống tài-phần quốc-gia cùng hoạt-động song song với hệ-thống tài-phần hỗn-hợp Việt Pháp. Đạo dụ này đã thiết-lập định-chế Tối-Cao Pháp-Viện gồm 3 ban : Hành-Chánh, Phá án và Thẩm-tra kế-toán. Nhưng định-chế này đã bị giải tán sau khi ban Thẩm-tra kế-toán bị bãi bỏ bởi Dự số 5 ngày 29-3-1954 đồng thời ban Phá án và ban Hành-chánh của Viện cũng bị thay thế bởi tòa Phá-án do Dự số 27 ngày 2-9-1954 và Tham chính-viện do Dự số 38 ngày 9-11-1954.

Tuy hệ-thống Tư-pháp đã được thiết-lập từ năm 1949 nhưng mãi đến năm 1954 sau khi người Pháp trao trả toàn vẹn chủ-quyền quốc-gia cho Việt-Nam, nền Tư-pháp nước ta mới hoàn toàn do người Việt-Nam điều-khiển và mới được tổ-chức thống-nhất từ trên xuống dưới.

Hiến-pháp đệ nhất Cộng-hòa ban hành ngày 26-10-1956 dự liệu tổ-chức một Viện Bảo Hiến và viện này đã được thành lập do luật số 7/60 ngày 23-12-1960 với nhiệm vụ phán quyết về tính-cách hợp hiến của các đạo luật, sắc-luật và qui-tắc hành-chánh đồng thời tham-gia ý kiến về các đề nghị tu chính Hiến-pháp do Quốc-hội chuyển đến.

Viện Bảo-hiến không phải là một cơ-quan lãnh-đạo quyền tài-phần độc-lập, và ngay chính trong vai-trò kiểm-hiến viện này cũng tỏ ra không hữu-hiệu. Quyền tư-pháp gần như hoàn toàn lệ-thuộc vào quyền Hành-pháp. Bộ Tư-pháp, một cơ-phần của quyền Hành-pháp, có quyền quản-trị tất cả các thẩm-phần công-tố cũng như xử án. Cho nên

thẩm-phán không được độc-lập để quyết-định theo luật-pháp và lương-tâm. Hệ-thống Tư-pháp lại không được thông-nhất, bên cạnh các tòa-án Tư-pháp chính-thức còn có một số tòa án Tư-pháp đặc-tham theo một thủ-tục tố-tụng và áp-dụng luật-lệ riêng. Điển-hình nhất và cũng quan-trọng nhất là các tòa-án quân-sự, tòa án quân-sự tại mặt-trận và tòa án đặc-biệt. Các tòa-án này trong một thời-gian dài đã đe-dọa trăm-trọng tự-do công-cộng của người dân. Ngoài các loại tòa án Tư-pháp đó còn có một quy-giai tòa-án Hành-chánh gồm các tòa-án có tính cách hành-chánh, tòa án Hành-chánh chính-thức và cao-nhất là Tham Chánh-Viện.

Với kinh-nghiệm đó, và vì sự ám-ảnh bởi chế-độ độc-tài của cố Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm, nên các nhà lập-hiến năm 1966 đã đặc-biệt chú-trọng đến quyền Tư-pháp và dành cả một chương trong Hiến-pháp từ điều 76 đến điều 86 để minh-định quyền Tư-pháp độc-lập, được quản-trị bởi Tối-Cao Pháp-Viện, hầu có thể bảo-vệ những quyền-lợi căn-bản của người dân.

Khuynh-hướng thiết-lập định-chế Tối-Cao Pháp-Viện trong cơ-chế chính-trị quốc-gia ngày nay được nhiều nước du nhập mô phỏng theo định-chế Tối-Cao Pháp-Viện của Hoa-kỳ qua bản Hiến-pháp 1787 tuy có vẻ phổ-thông nhưng không phải hầu hết mọi quốc-gia đều tổ-chức như vậy. Một quốc-gia mà truyền-thống pháp luật đã ảnh-hưởng rất nhiều đến pháp-luật nước ta là Pháp quốc đã không có định-chế này trong Hiến-pháp đệ ngũ Cộng-hòa hiện tại. Điều đó chứng tỏ rằng bối cảnh chính-trị lập hiến đã là nguyên-động-lực thúc đẩy các nhà Lập-hiến 1966 áp-dụng cứng rắn nguyên-tắc phân-quyền của Montesquieu vào bản Hiến-pháp 1967, mặc dầu nguyên tắc này hiện nay đang bị xét lại trước trào lưu tư-tưởng chính-trị hiện đại trong đó sự ưu thế của quyền Hành-pháp được đặc biệt cố xuy.

II/- QUAN-ĐIỂM CỦA CÁC NHÀ LẬP-HIẾN 1966 VỀ QUYỀN TƯ-PHÁP.

Vì những khuyết-điểm của nền Tư-pháp dưới thời đế nhất Cộng-hòa nên cố Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã tiến đến một chế-độ độc-tài trong đó quyền Tư-Pháp bị quyền Hành-Pháp lấn át. Bởi vậy các nhà Lập-Hiến quan-niệm quyền Tư-pháp phải là một công quyền độc-lập, thống-nhất và tự-trị hầu có thể bảo-vệ các quyền tự-do công-cộng của người dân và bảo-vệ Hiến-Pháp.

1/ Quyền tư-pháp độc-lập.

Quyền Tư-pháp phải được quan-niệm ngang hàng với quyền Lập-pháp và quyền Hành-pháp. Cơ-quan Hành-pháp không được chèn ép hay gây ảnh-hưởng vào cơ-quan Tư-pháp. Thẩm-phán xử-án có được độc-lập thực-sự thì Luật-pháp mới được tôn-trọng. Sự độc-lập này không những chỉ trên tương-quan giữa ba công-quyền chính-trị của Quốc-gia mà còn phải thể-hiện ngay trong mối tương-quan nội-bộ của cơ-quan Tư-pháp. Thực-vậy, mặc dầu Tối-cao Pháp-viện có quyền quản-trị ngành Tư-pháp và các thẩm-phán xử-án, nhưng việc thẩm-đoàn, thăng thưởng và chế tài các vị thẩm-phán xử án phải do đề-nghị của Hội-đồng Thẩm-phán. Hội-đồng Thẩm-phán gồm các thẩm phán xử án do các thẩm phán xử-án bầu lên. Thẩm-phán xử án chỉ có thể bị giải-nhiệm trong trường-hợp bị kết án vi phạm kỷ-luật hay bất lực về tinh-thần hoặc vật chất.

2/ Nền Tư-pháp tự-trị và thống-nhất.

Tối-cao Pháp-Viện phải có một ngân-sách tự-trị và phải có quyền lập-quy để quản-trị ngành Tư-pháp. Sự độc-lập chỉ được thể-hiện khi ngành Tư-pháp có một ngân-sách riêng, nếu không Tư-pháp sẽ bị lệ thuộc Hành-pháp theo đúng phương-châm : "Kẻ nắm giữ hầu bao chính là người có quyền quyết-định!" Ngoài ra nền Tư-pháp phải được tổ-chức thành một hệ-thống thống-nhất bao gồm các

tòa án Tư-pháp và Hành-chánh cũng như các tòa-án dân-sự và quân-sự. Có như thế luật-pháp quốc-gia mới được thi-hành công bằng giữa tất cả mọi công dân đồng thời việc xây-dựng những quy-tắc án-lệ duy-nhất mới được thuận tiện và dễ dàng.

3/ Quyền Tư-pháp phải thể-hiện dân-chủ.

Các tòa án phải được tổ-chức chu đáo ngay tại cấp sơ-thẩm cũng như hòa-giải. Thẩm-phán ngoài nhiệm-vụ xử-án còn phải có bổn-phận phổ-biến rộng-rãi luật-pháp quốc-gia đến mọi người dân. Trong thủ tục tố-tụng phải triệt để tôn-trọng quyền biện hộ cũng như vấn đề tư-pháp bảo-trợ... Được như vậy dân-chúng sẽ tin-tưởng vào công-ly và tinh-thần trọng-pháp ngày càng được củng cố, uy-tín của quyền Tư-pháp ngày một lên cao. Đây chính là một phương-cách bảo-hiến hữu-hiệu nhất.

Với quan-điểm này, các nhà Lập-hiến 1966 đã giao nhiệm-vụ lãnh-đạo ngành Tư-pháp cho Tối-cao Pháp-Viện. Và Luật số 007/68 ngày 03-9-1968 đã ấn-định tổ-chức và điều hành định-chế này.

III/- PHƯƠNG PHÁP SƯU-TÀM TÀI-LIÊU VÀ NỘI-DUNG LUẬN-VĂN.

Trong phạm-vi đề tài VAI-TRÒ CHÍNH-TRỊ TỐI-CAO PHÁP-VIÊN, người viết chỉ trình-bày những vấn-đề liên-quan đến tham quyền của Tối-Cao Pháp-Viện về giải thích Hiến-pháp, kiểm hiến, kiểm pháp, giải tán chính-đảng, tổ chức bầu cử Tổng-Thống và chỉ-định một phần ba (1/3) các Giám-Sát Viên thuộc Giám-Sát-Viện dưới kháo-hướng chính-trị học như một vấn-đề thời-sự để từ đó rút ra những nhận xét về sự đóng góp của Tối-Cao Pháp-Viện trong sinh-hoạt chính-trị quốc-gia. Và cuối cùng ở chương-kết-luận người viết sẽ xét đến mức độ hội nhập của định-chế Tư-pháp này vào môi-trường chính-trị nước nhà.

Về phương-pháp sưu-tầm tài-liệu, ngoài một số giảng văn trong suốt học-trình ban Đốc-sự tại Học-Viện và ban Cử-nhân tại Đại-học Luật-khoa Saigon, người viết còn tham-khảo một số tài-liệu thư-viện và tạp-chí cũng như nhật-báo, đồng thời phỏng vấn một số các vị giáo-sư Học-Viện và Luật-Khoa Đại-Học Saigon, chuyên-viên tại Tối-Cao Pháp-Viện, cựu Dân-biểu Quốc-Hội Lập-Hiến. Nhưng các đáp-viên khó lòng lựa chọn một cách khách-quan, người viết chỉ tiếp xúc được những người quen biết vì thế những ý Kiến đã thấu lượm một phần nào có tính cách chủ quan.

Về cách bố cục, Luận-văn này chia làm hai phần gồm sáu chương và được trình bày như sau :

Chương	I	: Dẫn nhập.
Phần thứ nhất		: Thẩm quyền chính-trị của Tối- : Cao Pháp-Viện.
Chương	II	: Thẩm quyền ngoại tài phán có : tính cách chính-trị.
Chương	III	: Thẩm quyền tài phán chính-trị.
Phần thứ hai		: Tối-cao Pháp-viện trong sinh- : hoạt chính-trị Quốc-gia.
Chương	IV	: Khuynh-hướng chính-trị của Tối : Cao Pháp-Viện.
Chương	V	: Mức độ độc lập chính-trị của : Tối-Cao Pháp-Viện.
Chương	VI	: Kết-luận.

★

★ ★

PHẦN THỨ NHẤT

THẨM QUYỀN CHÍNH TRỊ
CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN.



PHÂN THƯ NHẬT

THẨM QUYỀN CHÍNH TRỊ CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN

Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 đã áp-dụng nguyên-tắc phân-quyền khi quy-định ba cơ-quan Lập-Pháp, Hành-Pháp và Tư-Pháp phải được phân-nhiệm và phân-quyền rõ rệt. Sự hoạt-dộng của ba cơ-quan công-quyền phải được phối hợp và điều-hòa để thực-hiện trật-tự xã-hội và thịnh-vượng chung trên căn-bản tự-do, dân-chủ và công-bằng xã-hội. (1)

Mục-dịch của quyền Tư-Pháp là để bảo-vệ luật-pháp được thi-hành nghiêm-chính trong nhiệm-vụ bảo-vệ tự-do, sinh-mạng, tài-sản và danh-dự của mọi công-dân. Để thể-hiện được điều đó Tối-Cao Pháp-Viện, cơ-quan đứng đầu ngành Tư-Pháp, có một số thẩm-quyền Hiến-định về tài phán và ngoại tài-phán.

Thẩm-quyền tài-phán được chia thành thẩm-quyền tài-phán thuần-túy và thẩm-quyền tài-phán chính-trị. Thẩm-quyền tài-phán thuần-túy được gọi là thẩm-quyền phá án do Ban Phá-án đảm-nhiệm. Ban này gồm có ba phòng là phòng Hộ-vụ, phòng Hình-vụ và phòng Hành-chánh. Thẩm-quyền tài-phán chính-trị thuộc Đại-hội đồng Tối-Cao Pháp-Viện và do Ban Bảo-Hiến đảm-nhiệm để thuyết trình trước Đại-Hội-Đồng này về việc giải-thích Hiến-Pháp, kiểm hiến và kiểm-pháp các văn-kiến lập pháp và lập-quy cũng như việc giải-tán một chính-đang có hành động chống lại chính thể Cộng-Hòa.

(1). Điều 3 Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa 1967.

Thăm-quyền ngoại tài-phán là một thăm-quyền thuộc lãnh-vực hành-chánh nhưng mang nhiều màu sắc chính-trị và gồm các nhiệm vụ liên-quan đến việc tổ-chức bầu cử Tổng-Thống, chỉ-định Giám-Sát-Viên và bảo vệ các quyền tự do căn-bản của người dân.

Sự phân chia hai loại thăm-quyền có và không có tính-cách chính-trị như trên chỉ dựa trên một quan-điểm tương-đối của người viết để thuận tiện việc trình bày nội-dung đề tài, chứ thật ra có thể nói mọi thăm quyền của Tối-Cao Pháp-Viện đều có tính-cách chính-trị và sự khác biệt chỉ ở mức độ ảnh-hưởng chính trị nhiều hay ít hoặc trực tiếp hay gián-tiếp mà thôi.

Chính vì thế, thăm-quyền tài-phán thuần-túy không phải là đối tượng của bài khảo luận này, nhưng những ảnh-hưởng chính-trị của quyền đó sẽ được người viết trình bày như là một hệ-luận của việc quản-trị ngành Tư-pháp độc-lập.

Để vấn-đề được sáng tỏ hơn, người viết sẽ lần lượt trình bày trong phần này hai thăm-quyền sau của Tối-Cao Pháp-Viện :

- Thăm-quyền ngoại tài-phán có tính cách chính trị, và
- thăm-quyền tài-phán chính-trị.

★

★ ★

CHƯƠNG II

THẨM QUYỀN NGOẠI TÀI PHÁN CÓ TÍNH CÁCH CHÍNH TRỊ

Tối-Cao Pháp-Viện có ba loại thẩm-quyền ngoại tài-phán có tính-cách chính-trị là quản-trị ngành Tư-Pháp, tổ-chức các cuộc bầu-cử Tổng-Thống và chỉ-định Giám-Sát-Viên. Trong nhiệm-vụ quản-trị ngành Tư-Pháp, Tối-Cao Pháp-Viện hoặc trực tiếp hoặc gián-tiếp bảo-vệ nhân quyền và các quyền tự do căn-bản của mọi công-dân.

Trong chương này, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày ba vấn đề trên.

MỤC I.- BẢO-VỆ NHÂN-QUYỀN VÀ CÔNG-DÂN QUYỀN.

I/- QUẢN-TRỊ NGÀNH TƯ-PHÁP ĐỘC-LẬP.

Thi-hành Hiến-Pháp ngày 1-4-1967, Luật số 007/68 về tổ-chức và điều-hành Tối-Cao Pháp-Viện được ban-hành ngày 3-9-1968. Tối-Cao Pháp-Viện thực sự lãnh trách-nhiệm quản-trị ngành Tư-pháp từ ngày 31-10-1968 khi Tòa Phá án đình-chỉ hoạt-động do sự qui-định tại điều 87 Luật này.

Với nhiệm-vụ quản-trị ngành Tư-pháp, Tối-Cao Pháp-Viện có ngân-sách tự-trị và có quyền lập-quy để điều-động Thẩm-phán xử án cùng nhân-viên hành-chánh và tư-pháp ở mọi cấp bậc.

Sở dĩ điều này được nhấn mạnh vì cho tới khi Luật số 007/68 được ban-hành, Thẩm-Phán xử án vẫn do Bộ Tư-Pháp, một cơ-phan của quyền Hành-Pháp, quản-trị. Mặc dầu Hiến-Pháp đệ nhất Cộng-Hòa đã quy-định tại các điều 70 và 71 nguyên-tắc bình-dẳng của mọi công-dân trước pháp-luật và nguyên-tắc độc-lập của Thẩm-phán xử án, Thẩm-Phán xử án chỉ quyết-định theo lương-tâm với sự tôn-trọng luật-pháp và quyền lợi Quốc-gia. Nhưng Thẩm-Phán xử án vẫn chịu sự quản-trị của Bộ Tư-Pháp, nên sự độc lập của Thẩm-phán không được tôn-trọng. Quyền Hành-Pháp không những lấn át quyền Tư-Pháp tại Trung-Ương và tại các tập-thể địa-phương mà còn chỉ huy các Thẩm-Phán xử án ngay trong các vụ tranh tụng.

Qui-chế Thẩm-phán được ấn-định trong Dự số 3, ngày 29-3-1954. Theo đó, Thẩm-Phán xử án xét xử nhân-danh Quốc-Gia Việt-Nam và không thể bị thuyên-chuyển hay bãi chức vì quan điểm của mình tuyên-phán trong bản án. Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán được thiết-lập do Luật số 6/61 ngày 15-3-1961 cũng có nhiều khuyết điểm nên không bảo vệ được sự độc-lập của Thẩm-Phán. Một mặt, điều 18 đoạn 2 của Luật này qui-định rằng quyết-định thuyên-chuyển Thẩm-Phán của Bộ-Trưởng Tư-Pháp phải có sự đồng-ý của Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán nghĩa là nếu không có sự đồng ý đó thì quyết-định trên sẽ vô hiệu. Mặt khác, đoạn 2 của điều này lại mở ra một ngoại lệ mà khi áp-dụng người ta xem nó chính là nguyên-tắc. Theo đoạn này thì trong trường-hợp khẩn-cấp và vì nhu-cầu công-vụ Bộ-Trưởng Tư-Pháp tạm thời có thể bổ-nhiệm hay thuyên-chuyển các Thẩm-Phán với điều-kiện phải được sự chuẩn y về sau của Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán. Bộ-Trưởng Tư-Pháp đã lợi-dụng đoạn này để đặt Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán trước một việc đã rồi. Ngoài ra, Bộ-Trưởng Tư-Pháp còn có quyền lập danh-sách thăng thưởng hàng năm cho Thẩm-Phán xử-án. Chỉ qua đoạn 2 của điều 18 chúng ta thấy rằng Thẩm-Phán không thể nào được độc lập nếu không muốn nói là hoàn toàn chịu lệ thuộc vào Bộ Tư-Pháp.

Ngày nay, ngành Tư-Pháp trên nguyên-tắc đã thực-sự độc-lập nhưng hãy còn quá sớm để đo lường mức độ độc-lập đó tại các Tòa-án địa-phương và các Tòa-án đặc-biệt. Triển-vọng thống nhất một hệ-thống Tài-Phán trong một tương lai gần cho phép chúng ta tin tưởng sự độc lập của ngành Tư-Pháp nói chung và của Thẩm-Phán xử-án nói riêng. Có như thế, ngành Tư-Pháp mới chu toàn được nhiệm-vụ Hiến-định của mình, và đánh tan mặc cảm của người dân về sự chần ngán nền Tư-Pháp. Vì trước kia, khi nói đến Luật-pháp và Tòa-án thì người dân nghĩ ngay đến việc bắt bớ, tù đày, chiếm nhà, mất đất...

Ngành Tư-pháp được quản-trị bởi Tối-Cao Pháp-Viện không những chỉ độc lập với Hành-Pháp mà ngay trong nội bộ của ngành này cũng còn có sự phân-quyền để bảo-đảm sự độc-lập của Thẩm-Phán xử-án. Thật vậy, thi hành Hiến-Pháp, Luật số 016/69 ấn-định tổ-chức và điều-hành, Hội-đồng Thẩm-Phán đã được ban hành ngày 20-10-1969. Theo đó, Hội-đồng Thẩm-Phán có nhiệm-vụ đề-nghị bổ-nhiệm, thăng thưởng, thuyên-chuyển và chế-tải về kỹ-luật các Thẩm-Phán xử-án đồng thời cố-vấn Tối-Cao Pháp-Viện về các vấn-đề liên-quan đến ngành Tư-Pháp.

Ngoài ra, Thẩm-Phán xử án chỉ có thể bị giải nhiệm trong trường-hợp bị kết-án, vi-phạm kỹ-luật hay bắt-lực về tinh-thần hoặc thể-chất.⁽¹⁾

Riêng Thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện còn được hưởng các đặc-quyền do Hiến-Pháp và Luật-pháp quy-định nhằm bảo-đảm sự độc-lập của mình như trong trường-hợp quả tang phạm-pháp thì Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện có thể quyết-định đình-chỉ truy-tố hay bắt giam và việc giải nhiệm vì lý do bắt lực cũng chỉ do Đại Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện quyết-định.

(1). Điều 79 Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa 1967.

Sở dĩ nguyên-tắc độc-lập của Thẩm-Phán xử án được đề cao như thế vì khi Thẩm-Phán xử án có độc-lập thì công-lý mới vô-tư và các quyền tự-do công-cộng mới được bảo-đảm.

II/- NHỮNG QUYỀN TỰ DO CÔNG-CỘNG.

Ngoài các nguyên-tắc tự-do dân-chủ và công-bằng xã-hội được quy-định trong chương hai Hiến-Pháp 1967, mà sự thực-hiện tùy-thuộc nhiều vào thẩm-quyền của Tổng-Thống và Lương-Viện Quốc-Hội, còn một số nguyên-tắc liên-quan đến quyền tự-do căn-bản của công-dân hoặc trực tiếp hoặc gián-tiếp thuộc thẩm-quyền của Tối-cao Pháp-Viện và hệ-thống tài-phán Quốc-gia. Đại để các quyền này có thể chia làm ba loại.

1/ Quyền tự-do nhân-thân.

Quyền tự-do nhân-thân được Hiến-Pháp quy-định tại các điều 7, 8, 14, 17 và gồm các quyền liên-hệ đến nhân-thể, đời tư và gia-đình như quyền an-toàn cá-nhân và biện hộ, quyền được tôn-trọng đời-tư, nhà cửa và thư tín, quyền tự do cư trú, di lại, xuất ngoại và hồi hương, quyền tự do lập gia-đình.

Đặc-biệt tại điều 7 Hiến-Pháp, các nhà Lập-Hiến đã du nhập thủ-tục Habeas-Corpus của Anh Mỹ khi quy-định :

- 1/ Quốc-gia tôn-trọng và bảo-vệ quyền an-toàn cá nhân và quyền biện hộ.
- 2/ Không ai có thể bị bắt bớ giam giữ nếu không có mệnh lệnh hợp pháp của cơ-quan có thẩm-quyền luật định ngoại-trừ trường-hợp quả tang phạm-pháp.

- 3/ Bị can và thân nhân phải được thông báo tội trạng trong thời hạn luật-định. Mọi sự câu lưu phải đặt dưới quyền kiểm-soát của cơ-quan Tư-Pháp.
- 4/ Không ai có thể bị tra tấn đe dọa hay cưỡng bách thú tội. Sự nhận tội vì tra tấn, đe dọa hay cưỡng bách không được coi là bằng chứng buộc tội.
- 5/ Bị can phải được xét xử công khai và mau chóng.
- 6/ Bị can có quyền được Luật-sư biện-hộ dự kiến trong mọi giai-đoạn tham-vấn kể cả trong cuộc điều-tra sơ vấn.
- 7/ Bị can về các tội tiểu hình, chưa có tiền án quá ba tháng về các tội phạm cố ý, có thể được tại ngoại hầu-tra nếu có nghề-nghiệp và địa-chỉ chắc chắn. Nữ bị can về các tội tiểu-hình có nghề-nghiệp và địa-chỉ chắc chắn, có thể được tại ngoại hầu-tra, nếu có thai trên 3 tháng.
- 8/ Bị can được suy đoán là vô tội cho đến khi bản án xác nhận tội trạng trở thành nhất định.

Sự nghi vấn có lợi cho bị can.

- 9/ Bị can bị bắt giữ oan ức, sau khi được tuyên bố vô tội, có quyền đòi quốc-gia bồi thường thiệt-hại trong những điều kiện luật định.
- 10/ Không ai có thể bị câu thúc thân thể vì thiếu nợ.

Một cách tổng-quát, ta thấy các quyền tự-do nhân thân được Hiến-Pháp bảo-vệ một cách rõ rệt. Đây là

một điểm tiến-bộ vượt bậc so với Hiến-Pháp 1956. Tuy nhiên có một vài thủ-tục mà các nhà Lập-Hiến đi quá xa về việc bênh vực quyền lợi cá nhân trước quyền lợi chung của xã-hội. Chẳng hạn như nguyên-tắc Quốc-gia phải đền bồi thiệt hại khi bị can được tuyên-bố vô tội quả là rất nguy hiểm.

Nó nguy hiểm ở chỗ có thể làm cho một số người bị kết án oan. Chẳng hạn sau khi bị can bị bắt và giam giữ, ra Tòa xét xử, để cho các nhân-viên chính-phủ khỏi bị tội bắt giữ oan và nhà nước khỏi bồi thường, Tòa có thể sẽ dễ bị thúc dục và thiên về ý định tuyên phạt bị can, dầu chỉ là phạt tượng trưng cho có án. (1)

2/ Quyền tự-do tư-tưởng.

Quyền tự-do tư-tưởng được Hiến-Pháp quy-định tại các điều 9, 10, 11, 12, 13, 23 và gồm có quyền tự-do tín-ngưỡng, tự-do giáo-dục, tự-do ngôn-luận và báo-chí, tự do hội-hợp và lập hội và quyền tham-gia công vụ.

3/ Quyền kinh-tế xã-hội.

Quyền này được Hiến-Pháp quy-định tại các điều 15, 16, 18, 19, 20, 21, 22 và gồm có tự-do Lao-Động, tự-do nghiệp-đoàn và quyền đình-công, quyền tư-hữu, quyền tự-do kinh-doanh và cạnh tranh, quyền cử đại-biểu tham gia quản-trị xí-nghiệp.

Qua kinh-nghiệm đau thương về sự lạm-quyền dưới chế-độ độc-tài của cố Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm, nên các nhà Lập-Hiến 1966 đã đặt ra những nguyên-tắc rõ ràng để bảo-vệ quyền tự-do căn-bản của mọi công-dân.

(1). Trương-tiến-Đạt. Hiến-Pháp Chú-Thích, Saigon 1967, tr. 100.

Nhưng làm thế nào để bảo-vệ các quyền tự-do đó ?

III/- PHƯƠNG CÁCH BẢO-ĐẢM QUYỀN TỰ-DO CÔNG CÔNG.

"Tòa-án phải kiểm-soát các cơ-quan an-ninh không được bắt bớ giam giữ trái-phép, không được tra tấn và cưỡng bách bị can thú-tội. Khi tạm giữ một đương-sự, Tòa-án phải thông báo tội-trạng trong thời-gian tối-thiểu. Tòa-án sẽ không căn-cứ vào sự nhận tội cưỡng-bách của bị-can để buộc tội. Luật-sư được coi là người phụ-tá của Công-ly được dự-kiến bị-can tại các cơ-quan điều-tra sơ van.

Tòa-án còn bảo-đảm sự tôn-trọng nhân-phẩm và đời tư của công-dân, nghiêm phạt các tội công-khai nhục-mạ, phỉ-báng, xâm-phạm gia-cư v.v... Tòa án cũng kiểm soát các sự vi-phạm quyền tư-hữu như trưng dụng và truất-hữu trái luật. Sau cùng Tòa-án cũng bảo vệ thuần-phong mỹ-tục trừng phạt sự phổ-biến các tài-liệu phim ảnh đồi trụy v.v...

Nói tóm lại, Tòa-án có nhiệm-vụ bảo-vệ các công quyền tự-do chống áp-bức, bất công và lạm-quyền⁽¹⁾

Ngoài ra, còn một số nguyên-tắc chính-yếu được công-nhận để bảo-đảm quyền tự-do nhân thân như nguyên-tắc trọng-pháp, nguyên tắc bất-hồi-tố của đạo-luật và nguyên-tắc độc-lập của cơ-quan Tài-phán.

Để thực-hiện sự bảo-đảm đó, người dân có thể dùng một trong ba phương cách sau đây trước cơ-quan tài phán để chống lại sự lạm-quyền của cơ-quan hành-chánh :

(1). Nguyễn-hữu-Thống, Vấn-Đề Tư-Pháp và Cương-Vị Hiến-Chánh. Thuyết-Trình Về Hiến-Pháp. (Saigon : Sở Tài liệu Quốc-Hội Lập-Hiến, 1967). tr. 107 - 108.

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

1/ Tổ tụng đòi bồi thường :

Một cá nhân hay một pháp nhân có thể kiện trước Tòa án Hành-chánh để đòi một cơ quan Hành-chánh bồi thường vì hoạt động của cơ quan này đã gây thiệt-hại cho đương-sự. Đây là lãnh-vực trách-nhiệm của cơ quan công-quyền trước những thiệt hại đã gây ra cho tư-nhân dựa trên nguyên-tắc công-dân bình đẳng trước trách vụ chung (principe de l'égalité devant les charges publiques des citoyens).

2/ Tổ-tụng kiểm-hiến và kiểm pháp :

Một công-dân bị thiệt-hại về quyền-lợi do sự áp-dụng một bản văn lập-pháp hoặc lập-quy, có thể nộp đơn tại Nha Tổng Thư-ký Tối-Cao Pháp-Viện để xin phán-quyết về tính cách hợp-hiến hoặc hợp pháp của bản văn ấy. Tổ-tụng này trước khi có Tối-Cao Pháp-Viện được gọi là tổ-tụng chống thặng quyền (Recours pour excès de pouvoir) thuộc thẩm-quyền của Tham Chánh-Viện.

3/ Khước biện bất hợp hiến và bất hợp pháp :

Khi một đương-sự, trong một vụ tranh-tung trước một Tòa-án, nhận thấy tính cách bất hợp hiến hay bất hợp pháp của văn kiện lập pháp hay lập quy sẽ được áp-dụng thì đương tụng có thể xin Tối-Cao Pháp-Viện phán-quyết kiểm-hiến hay kiểm pháp văn kiện ấy. Việc khước biện này nếu được chấp nhận sẽ có giá trị đình hoãn xét xử vụ kiện chính để chờ quyết định của Tối-Cao Pháp-Viện.

MỤC II. - TỔ CHỨC BẦU CỬ TỔNG-THỐNG VÀ PHÓ TỔNG THỐNG.

Thi-hành Hiến-Pháp, Luật số 007/68 đã qui-định Tối-Cao Pháp-Viện có nhiệm-vụ lập danh-sách ứng-cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, kiểm soát tính cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả, đồng

thời chúng kiến lễ tuyên thệ nhậm chức của Tổng-Thống đặc-cử. (1)

Nhiệm-vụ này tuy có tính-cách Hành-chánh nhưng thật ra Tối-Cao Pháp-Viện đã đóng một vai-trò chính-trị hết sức tế-nhi mà trách-nhiệm trước lịch-sử cũng vô cùng nặng nề. Điển-hình là cuộc bầu cử Tổng-Thống năm 1971.

Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 quy-định thể-thức bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống Việt-Nam Cộng Hòa, ngay sau khi được ban hành Tối-Cao Pháp-Viện đã liên tiếp nhận các đơn khởi tố thỉnh cầu Viện tuyên phán bất hợp hiến điều 10 khoản 7 và điều 14 khoản chốt của Luật này, và đơn khởi tố thỉnh cầu Viện tuyên phán bất hợp hiến và bất hợp pháp thông cáo ngày 1-9-1971 của Thủ-Tướng Chính-Phủ về việc tổ-chức bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống ngày 3-10-1971.

Riêng về điều 10 khoản 7 Tối-Cao Pháp-Viện trong phán-quyết ngày 13-7-1971 đã tuyên-phán về nội-dung các đơn khởi tố của các nguyên đơn xin tuyên bố điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp hiến. Như thế theo quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện thì điều kiện bắt buộc ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống phải được sự giới-thiệu hoặc của 40 Nghị-sĩ và Dân biểu hoặc của 100 Nghị-viên các Hội-đồng Đô Tỉnh, Thị là hợp hiến.

Thi hành Luật này, ngày 15-7-1971 Nha Tổng Thư-Ký Tối-Cao Pháp-Viện ra thông cáo qui-định thời hạn nộp đơn ứng-cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống bắt đầu từ 8 giờ sáng ngày 29-7-1971 đến 18 giờ ngày 4-8-1971.

(1). Điều 54 Hiến-Pháp 1967 và điều 2 Luật số 007/68.

1- Nha Tổng Thư-Ký Tối-Cao Pháp-Viện đã nhận đơn ứng cử của bốn liên-danh Nguyễn-văn-Thiệu - Trần-văn-Hương, Dương-văn-Minh - Hồ-văn-Minh, Nguyễn-cao-Kỳ Trương-vĩnh-Lễ và Nguyễn-Trần - Nguyễn-văn-Chức.

2- Văn-phòng Tối-Cao Pháp-Viện ngày 5-8-1971 đã niêm yết lần thứ nhất danh sách các Liên-danh ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống.

Ngày 20-8-1971 liên-danh Dương-văn-Minh - Hồ văn-Minh đã xin rút đơn ứng cử.

3- Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện, sau khi xét tính cách hợp lệ của các hồ-sơ ứng-cử, đã niêm yết lần thứ nhì danh sách ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống gồm 2 Liên-danh : Nguyễn-văn-Thiệu - Trần-văn-Hương, Nguyễn-cao-Kỳ - Trương-vĩnh-Lễ.

Sở dĩ liên-danh Nguyễn-Trần - Nguyễn-văn-Chức không được niêm yết lần thứ nhì vì liên-danh này không nộp đủ hồ-sơ Luật định.

Sự giới thiệu của 452 Nghị-Viên Hội-Đồng Đô, Tỉnh, Thị cho liên-danh Nguyễn-văn-Thiệu - Trần-văn-Hương bị vô hiệu do quyết định giải kết ngày 21-8-1971 của Tối-Cao Pháp-Viện. Do đó liên-danh Nguyễn-Cao-Kỳ - Trương Vĩnh-Lễ lấy lại được số 39 Nghị-viên được giải kết nói trên và trở nên có sự giới thiệu hợp-lệ. Các giấy giới-thiệu này do vi bằng công-chứng ngày 03-8-1971 xác nhận (trước thời-hạn chốt nộp đơn ứng cử một ngày).

Ngày 26-8-1971, liên-danh Nguyễn-cao-Kỳ - Trương-vĩnh-Lễ cáo tri Tối-cao Pháp-Viện quyết định của liên-danh này không tham dự cuộc tranh cử nữa.

Do đó, cuộc khủng hoảng chính-trị bắt đầu trầm trọng khi chỉ còn một liên-danh tranh cử Tổng-Thống.

Tại đây chúng tôi có một nhận xét. Ngay trong lần niêm-yết lần thứ nhất dường như Văn-phòng Tối-Cao Pháp-Viện đã vô tình chỉ niêm yết chính thức danh sách hai liên-danh Nguyễn-văn-Thiệu - Trần-văn-Hương, Dương-văn-Minh - Hồ-văn-Minh và ghi ở phần Cước chú tình-trạng hồ-sơ của hai liên-danh Nguyễn-Cao-Kỳ - Trương-vĩnh-Lễ, Nguyễn-Trần - Nguyễn-văn-Chức nên "trường-hợp của hai liên-danh trên đây sẽ tùy Đại-Hội Đồng Tối-Cao Pháp-Viện quyết-định, nếu có sự khiếu nại, trước ngày niêm-yết danh sách ứng cử viên lần thứ nhì" (1)

Thật ra, việc cứu xét tính cách hợp-lê của hồ-sơ ứng cử thuộc thẩm quyền của Đại-Hội Đồng Tối-Cao Pháp-Viện, Văn-phòng Tối-Cao Pháp-Viện chỉ có một thẩm quyền lệ-quyết là phải niêm yết lần thứ nhất tất cả các liên-danh đã chính thức nộp đơn ứng cử và ghi rõ tình trạng hồ-sơ mà thôi. Và sau quyết-định ngày 21-8-1971 của Tối-Cao Pháp-Viện về việc giải kết 452 giấy giới-thiệu của Nghị-viên, mặc dầu liên-danh Nguyễn-Cao-Kỳ - Trương-Vĩnh-Lễ không khiếu nại, Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện vẫn quyết-định cho niêm yết lần thứ nhì danh sách Liên-danh này.

Như vậy có thể nêu giả thuyết rằng nếu văn-phòng Tối-Cao Pháp-Viện niêm-yết lần thứ nhất danh-sách tất cả các liên-danh chính-thức nộp đơn ứng cử cùng ghi rõ tình trạng hồ-sơ của liên-danh liên-hệ thì liên-danh Dương-văn-Minh - Hồ-văn-Minh sẽ không rút đơn ứng cử vì liên-danh này có thể đã tiên liệu thành phần cử tri và khuynh-hướng chính-trị của dân chúng. Do đó họ đo lường được mức độ chia phiếu của hai liên-danh Nguyễn-văn-Thiệu - Trần-văn-Hương và Nguyễn-Cao-Kỳ - Trương-Vĩnh-Lễ trước khối cử tri quân nhân, Thiên-chúa giáo và đồng bào Bắc-Việt di-cư...

(1). Bảng Niêm Yết lần Thứ I ngày 5-8-1971, Tư-Pháp Tập-San, 2 (tháng 7-8-9-10-11-12/71), tr. 62 - 63.

4- Sau khi niêm yết lần thứ nhì danh-sách ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện đã cử một Tham-phán Tối-Cao làm trưởng-ban Vận-Động Tranh-cử Trung-Ương để hoạt động với đại-diện liên-danh ứng cử.

5- Sau các phiên nhóm trong các ngày 19, 20, 21, 22 tháng 10 năm 1971 để chung quyết về tính-cách hợp thức của cuộc bầu cử và trong tinh thần bảo vệ Hiến-Pháp và quyền lợi Quốc-Gia, Tối-Cao Pháp-Viện đã long trọng tuyên-bố liên-danh Dân-Chủ Nguyễn-văn-Thiệu-Trần-văn-Hương đắc cử.

6- Ngày 31-10-1971, chủ-tịch Tối-Cao Pháp-Viện cùng nhì vị Chủ-tịch Quốc-Hội đã chứng-kiến lễ tuyên-thệ nhậm chức Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa của Ông Nguyễn-văn-Thiệu.

Ngoài nhiệm vụ tổ chức bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, Tối-Cao Pháp-Viện còn có nhiệm vụ trong các cuộc bầu-cử Thượng Nghị-Viện và Hạ-Nghị-Viện. Chủ-Tịch Tối-Cao Pháp-Viện là chủ-tịch Hội-đồng tuyên cử Trung-ương, Hai vị Tham-Phán Tối-Cao là Hội-viên của Hội-đồng này.

MỤC III.- CHỈ ĐỊNH GIÁM SÁT VIỆN.

Nhằm thực-hiện sự phối-hợp và điều hòa giữa ba cơ-quan Lập-Pháp, Hành-Pháp và Tư-Pháp như điều 3 Hiến-Pháp đã quy-định, Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện có quyền chỉ định 1/3 tổng số các Giám-Sát Viện thuộc Giám-Sát-Viện đồng thời kiểm kê tài-sản của chủ-tịch Giám-Sát-Viện và các Giám-Sát-Viên.

Trong thực-tế, Tối-Cao Pháp-Viện chỉ hành xử tham quyền chỉ-định Giám-Sát-Viên, còn tham quyền kiểm kê tài-sản của các vị Giám-Sát chưa bao giờ được thực-hiện. Và hiện nay Giám-Sát-Viện cũng chưa hành sử quyền

hiến định của mình để kiểm kê tài-sản của Chủ-tịch và các vị Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện.

Việc kiểm kê tài-sản là một vấn đề rất tế-nhi, mặc dầu có tính cách hiến-định nhưng khó lòng thực hiện ở những cơ-quan và các nhân vật "bằng đầu" với nhau, nhất là quyền này có mục đích để kiểm soát những hành vi tham nhũng, hối mại quyền thế, làm phương hại đến quyền lợi Quốc-Gia.

★

★ ★

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN TÀI PHÁN CHÍNH TRỊ

Việc phân-loại thẩm-quyền Tối-Cao Pháp-Viện, nhiều học-giả không đồng-ý với nhau. Theo cố Giáo-sư Nguyễn-văn-Bông, thẩm-quyền Bảo-Hiến của Tối-Cao Pháp-Viện gồm giải-thích Hiến-Pháp, kiểm hiến, kiểm-pháp và giải-tán chính-đảng. (1) Ngược lại, Giáo-sư Nguyễn-quang-Quỳnh cho rằng việc kiểm pháp thuộc thẩm-quyền Tài-Phán của Tối-Cao Pháp-Viện. Nhưng chính Giáo-sư cũng công-nhận hai công-việc kiểm-hiến và kiểm-pháp cùng một bản-chất khi trích dẫn ý-kiến của Paul Duez "Loi et Constitution ont même nature juridique..." (2)

Chúng tôi dùng danh-từ "Thẩm-Quyền Tài-Phán Chính-Trị" với chủ-ý nhấn-mạnh đến khía-cạnh chính-trị của vấn-đề vì trong các phán-quyết thuộc tổ tụng bảo-hiến, quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện có tính-cách công-lý chính-trị chứ không phải luôn-luôn có tính-cách thuần túy phép-lý. Ngoài ra, nhiệm-vụ bảo-hiến của Tối-Cao Pháp-Viện cũng chính là nhiệm vụ tài-phán. Thật vậy, Giáo-sư Nguyễn-quang-Quỳnh đã viết "Giải-thích luật-pháp là bản-chất của nhiệm-vụ tài-phán. Tối-Cao Pháp-Viện là một cơ-quan tài-phán và Hiến-Pháp là bản-văn luật-pháp cao nhất trong Quốc-gia ; như vậy giải-thích Hiến-pháp đương-nhiên phải thuộc thẩm-quyền Tối-Cao Pháp-Viện". (3)

(1). Nguyễn-văn-Bông, Luật Hiến-Pháp và Chính-trị Học (Saigon : Thư-Lâm ấn-thư quán, 1969), tr. 448.

(2). Nguyễn-quang-Quỳnh, "Thẩm-quyền của Tối-Cao Pháp-Viện", Nghiên-cứu Hành-Chính, 4 (năm 1969), tr. 44.

(3). Ibid, tr. 37.

Và trong các biện-sự kiểm hiến, kiểm pháp và giải-tán chính-đảng đều có hai tung-phương nên phải thuộc thẩm-quyền Tài-phán của Tối-cao Pháp-Viện.

Do đó chương này sẽ được trình bày dưới hai mục sau :

- Thẩm quyền Tài-phán chính-trị.
- Công-ly Chính-trị.

MỤC I.- THẨM-QUYỀN TÀI-PHÁN CHÍNH-TRỊ.

Các thẩm-quyền tài-phán chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện được qui-định tại điều 81 Hiến-Pháp như sau :

1. Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền giải-thích Hiến-Pháp, phán-quyết về tính-cách hợp-hiến hay bất hợp-hiến của các đạo-luật, sắc-luật, tính-cách hợp-hiến và hợp-pháp của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh ;
2. Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền phán-quyết về việc giải-tán một chính-đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chính-thể Cộng-Hòa.

Phân-tích điều này ta thấy Tối-Cao Pháp-Viện có bốn vai-trò sau :

1- Giải-thích Hiến-Pháp tức là làm trọng-tài trước những tranh-chấp giữa Lập-Pháp và Hành-Pháp hoặc giữa Lương-viện Quốc-hội.

2- Kiểm-hiến các văn-kiện lập-pháp nghĩa là bảo-vệ Hiến-Pháp trước những hành-vi vi-hiến của cơ-quan Lập-Pháp và Hành-Pháp.

3- Kiểm-hiển và kiểm-pháp các văn-kiến lập-quy nghĩa là kiểm-soát chính nhà cầm-quyền hành-chánh để bảo-vệ nguyên-tắc trọng-pháp và chống sự lạm-quyền.

4- Giải-tán một chính-đảng là nhiệm-vụ bảo-vệ chánh-thể Cộng-hòa và bảo-đảm quyền đối-lập chính-trị.

I/- GIẢI - THÍCH HIẾN - PHÁP.

Mặc dầu Luật số 007/68 quy-định Tổng-Thống, Chủ-Tịch Thượng-Nghị-Viện, Chủ-Tịch Hạ-Nghị-Viện, một phần ba (1/3) tổng-số Nghị-sĩ hoặc một phần ba (1/3) tổng-số Dân-biểu đều có quyền tự-ý yêu-cầu Tối-Cao Pháp-Viện giải-thích Hiến-Pháp, nhưng thông-thường trong sinh-hoạt chính-trị mỗi khi có sự yêu-cầu giải-thích Hiến-Pháp thì hầu như có một sự tranh-chấp hoặc pháp-ly hoặc chính-trị giữa hai cơ-quan Hành-Pháp và Lập-Pháp hay giữa lưỡng-Viện Quốc-Hội.

Hiến-Pháp là một bản-văn tối-thượng của Quốc-Gia và là nền-tảng của chế-độ nên việc yêu-cầu giải-thích Hiến-Pháp là một hành-vi chính-trị vô-cùng quan-trọng vì thế thẩm-quyền này được giới-hạn trong hai cơ-quan Lập-Pháp và Hành-Pháp để điều-hòa sinh-hoạt chính-trị Quốc-gia. Việc giải-thích Hiến-Pháp là Thẩm-quyền chuyên-độc của Tối-Cao Pháp-Viện, nơi quy-tụ các luật-gia chuyên-nghiệp, là một điều rất hợp lý. Ngoài ra Hiến-Pháp không quy-định phán-quyết giải-thích Hiến-Pháp của Tối-Cao Pháp-Viện theo một đa-số đặc-biệt nào trong khi phán-quyết giải-tán chính-đảng hay kiểm-hiển một đạo-luật phải hội đủ đa-số ba phần tư (3/4) tổng số Tham-Phán Tối-Cao Pháp-Viện. Điều này có nghĩa là phán-quyết giải-thích Hiến-Pháp chỉ cần theo đa-số thường. Sở dĩ nhà Lập-Hiến quy-định như thế là để tránh tình-trạng khủng-hoang chính-trị khi đã có một sự bất đồng ý-kiến giữa Tổng-Thống và Quốc-Hội hay giữa Thượng-Nghị-Viện và Hạ-Nghị-Viện mà Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện không đủ túc-số để làm tròn vai-trò trọng-tài của mình. Còn gì

trở trêu hơn khi đa số tương-đối Thẩm-Phán Tối-Cao đồng quan-điểm về một điều khoản Hiến-Pháp nhưng không đủ đa số đặc-biệt nên quan-điểm của cơ-quan yêu-cầu giải-thích Hiến-Pháp được chấp-nhận. Và như thế sẽ có hậu-quả là khi có một bất-đồng ý-kiến về Hiến-Pháp thì hai cơ-quan Lập-Pháp và Hành-Pháp luôn luôn tranh tiên sử-dụng quyền yêu-cầu Tối-Cao Pháp-Viện giải-thích Hiến-Pháp thay vì tìm cách soi sáng thật sự ý-nghĩa của Hiến-Pháp để giải-quyết tranh-chấp trên tinh-thần phối-hợp và điều-hòa giữa các cơ-quan công-quyền.

Quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện trong các phán-quyết giải-thích Hiến-Pháp cho ta thấy Tối-Cao Pháp-Viện chú-trọng nhiều đến khía-cạnh chính-trị và nhất là quyền lợi quốc-gia. Quả thật các vị Thẩm-Phán Tối-Cao đã hành-động theo đúng tinh-thần điều 3 Hiến-Pháp "Sự hoạt-động của ba cơ-quan công-quyền phải được phối-hợp và điều-hòa để thực-hiện trật-tự xã-hội và thịnh-vượng chung trên căn-bản tự-do dân-chủ và công bằng xã-hội".

II/- KIỂM-HIẾN CÁC VĂN-KIỆN LẬP-PHÁP.

Hầu hết các Quốc-gia tân-lập đều có khuyến-hướng giao nhiệm-vụ kiểm-hiến cho Tối-Cao Pháp-Viện mô-phỏng theo Hiến-Pháp Hoa-Kỳ thay vì giao cho một cơ-quan chính-trị như Viện Bảo-Hiến của Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa 1956.

Thi-hành Hiến-Pháp 1967, Luật số 007/68 đã quy-định thủ-tục khởi-tố kiểm-hiến rất rộng rãi. Theo đó, mọi thể-nhân, pháp-nhân tư-pháp hay công-pháp đều có quyền bằng phương cách chính-tổ xin Tối-Cao Pháp-Viện phán-quyết về tính-cách hợp-hiến hay bất hợp hiến của các đạo-luật, sắc-luật hoặc tính-cách hợp-hiến và hợp-pháp của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh, nếu sự áp-dụng các bản-văn này làm thiệt-hại đến quyền lợi của mình. Pháp-nhân công-pháp thì được miễn chứng-mình ích-lợi để khởi tố. (1)

(1). Điều 63. Luật 007/68.

Ngoài ra trong mọi vụ kiện bất kỳ ở giai-đoạn nào, kể cả giai-đoạn phá-án đương-tung cũng có thể bằng phương-cách khước-biện xin Tối-Cao Pháp-Viện phán-quyết kiểm-hiến và kiểm-pháp các văn-kiện nói trên.

Về tư-cách khởi-tổ của pháp-nhân công-pháp, nhiều học-giả đã không đồng ý với nhau. Có người cho rằng Thượng-Nghị-Viện, Hạ-Nghị-Viện, Giám-Sát-Viện và các Phủ, Bộ ngay cả Tối-Cao Pháp-Viện đều không có tư-cách pháp-nhân công-pháp vì Hiến-Pháp 1967 chỉ quy-định ba pháp-nhân công-pháp chính là pháp-nhân Quốc-gia, pháp-nhân Đô, Tỉnh, Thị và pháp-nhân xã, ngoài ra còn một loại pháp-nhân công-pháp thông thường là các công-lập sở tự trị.

Luật đối chiếu cho ta thấy tại Pháp quốc, một quốc-gia mà luật pháp ảnh-hưởng rất nhiều vào luật pháp nước ta, Thượng-Nghị-Viện và Hạ-Nghị-Viện không có pháp-nhân tính.

Ý niệm pháp-nhân phát xuất từ quan-điểm cho rằng mỗi pháp-nhân tượng-trưng cho một tập-thể có quyền lợi được luật-pháp công-nhận. Pháp-nhân quốc-gia tượng-trưng cho quyền lợi chung của dân-tộc, nên các cơ-quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp đều không có tư-cách pháp-nhân. Các yếu-tố quản-trị ngân-sách và nhân-viên tự-trị có mục đích bảo-đảm sự độc-lập của cơ-quan mà thôi nên không đủ cấu-thành tư-cách pháp-nhân vì chủ-quyền quốc-gia bất-khả phân-chia. Chủ-quyền đó thuộc về toàn dân và do vị Nguyên-Thủ Quốc-Gia đại-diện. Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ngoài vai-trò lãnh-đạo ngành Hành-pháp còn có tư-cách là vị Nguyên-Thủ Quốc-Gia, đại-diện quyền lợi tập-thể quốc-gia.

Nhưng trong thực-tế, Tối-Cao Pháp-Viện đã nhiều lần chấp-nhận đơn khởi-tổ của cơ-quan Lập-pháp. Điều này có thể được giải-thích bằng lý-do chính-trị. Thật-thế, mục đích của nguyên-tắc phân-quyền là để quyền hành ngăn

chặt quyền hành và làm thăng bằng quyền lực giữa các cơ quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-Pháp, hầu tránh nạn độc tài. Hơn nữa trong tinh-thần thượng tôn pháp luật, điều 63 Luật số 7/68 chứng tỏ ý định của nhà Lập-pháp là mở rộng tố quyền xin kiểm hiến và kiểm pháp.

"Ý-niệm pháp-nhân được dùng tới để cho cùng với thể nhân, mọi phần tử trong xã-hội đều có thể xử-dụng tố quyền. Sự giải-thích này đi đúng với quan-niệm của đa số luật gia hiện đại là ý-niệm pháp-nhân chỉ có tính cách một giá-định để làm dễ dàng sự thể-hiện pháp-luật. Ngoài ra, điều 63 Luật 7/68 minh-thị nói rằng pháp nhân công-pháp được miễn chứng minh ích-lợi để khởi tố". Câu này gạt bỏ ý-niệm "quyền-lợi" mà lập luận đối lập đã đưa ra" (1)

1/ Phạm-vi kiểm hiến.

Theo nguyên tắc, một đạo-luật mới có giá-trị hơn đạo-luật cũ nếu hai đạo-luật có nội-dung mâu-thuẫn, nhưng luật mới không có giá-trị hồi tố trừ phi nhà Lập-pháp quy-định khác. Hiến-pháp lại là một đạo-luật tối-thượng. Do đó phạm-vi kiểm hiến rất rộng rãi không những bao gồm các đạo-luật và Sắc-luật được ban hành sau Hiến Pháp mà còn cả các văn-kiến lập pháp được ban hành trước Hiến-Pháp nữa.

Như thế các đạo-du thời Bảo-Đại, các đạo-luật thời Đệ Nhất Cộng-Hòa, các Sắc-luật được ban hành trong thời kỳ chuyển tiếp từ ngày 1-11-1963 đến ngày 1-4-1967, nếu vẫn còn được áp-dụng, đều chịu sự kiểm hiến của Tối Cao Pháp-Viện. Dĩ nhiên các văn-kiến lập pháp này chỉ chịu sự kiểm hiến về phương diện nội-dung. Tối-Cao Pháp-Viện chỉ kiểm soát các điều khoản của các văn-kiến đó có mâu-thuẫn với tinh thần Hiến-Pháp hay không mà thôi.

(1). Nguyễn-khắc-Nhân, "Khía cạnh pháp lý về Thuế kiểm ước. Lập-Pháp kiện-Hành-Pháp," Nghiên-cứu Hành-Chánh, 4 (tháng 10, 11, 12 năm 1969) tr. 127 - 128.

Ngược lại, các đạo-luật và sắc-luật được ban hành trong nền Đệ Nhị Cộng-Hòa hiện tại đều chịu sự kiểm hiến của Tối-Cao Pháp-Viện về cả hai phương diện hình-thức lẫn nội dung. Về phương diện hình-thức, Tối-Cao Pháp-Viện kiểm soát các đạo-luật có được làm đúng thủ tục lập-pháp và các sắc-luật có được ban hành trong thẩm quyền hiến-định của Tổng-Thống hay không.

Vấn đề được đặt ra là Tối-Cao Pháp-Viện có quyền kiểm hiến nội quy của hai Viện Quốc-hội, các Hiệp-Uớc quốc-tế được Việt-Nam phê chuẩn, các Luật Tu-chính Hiến-Pháp và Luật Tổ-chức hay không ?

a- Đối với nội quy của hai viện Quốc-hội,
Giáo-sư Nguyễn-quang-Quỳnh cho rằng tuy nội-quy không phải là một đạo-luật thuần túy nhưng giá-trị pháp lý của nó tương đương với một đạo-luật nên có thể đồng hóa với luật. Hơn nữa, Giáo-sư còn cho rằng sự liệt-kê thẩm-quyền kiểm hiến tại điều 81 Hiến-Pháp không có tính-cách giới hạn vì nhà Lập-Hiến 1966 không những giao thẩm-quyền bảo-hiến cho Tối-Cao Pháp-Viện mà còn gia tăng quyền hạn của định chế này bằng cách đặt ra hai thẩm quyền mới là giải-thích Hiến-Pháp và giải-tán chính-đảng mà Viện Bảo-Hiến cũ không có. Và theo Hiến-Pháp 1958 của Pháp thì nội quy của hai viện Lập-pháp phải chịu sự kiểm soát của Hội-đồng Bảo-Hiến trước khi đem ra áp-dụng. (1)

Giáo-sư Nguyễn-khắc-Nhan có một quan-điểm hoàn toàn trái ngược với quan-điểm của Giáo-sư Nguyễn Quang-Quỳnh khi cho rằng điều 81 Hiến-Pháp có ý nghĩa giới-hạn rõ rệt thẩm-quyền kiểm- hiến của Tối-Cao Pháp-Viện vì điều này quy-định "Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền giải-thích Hiến-Pháp, phán quyết về tính-cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các Đạo-luật, Sắc-luật, tính cách hợp-hiến và hợp pháp của các Sắc-lệnh, Nghị-định

(1). Nguyễn-quang-Quỳnh, Op. Cit., tr. 32.

và quyết-định hành-chánh." Sự đồng hóa nội quy với đạo-luật khó lòng chấp nhận vì nội quy không do sự hợp-tác giữa hai cơ-quan như đạo-luật.

Việc khởi tố nội quy ra trước Tối-Cao Pháp-Viện để yêu cầu xin kiểm hiến cũng gặp rất nhiều khó khăn vì nội quy Quốc-hội quy-định mối tương quan giữa Lập-Pháp và Hành-Pháp hay giữa hai Viện Quốc-hội nên một công dân sẽ thiếu lý do ích-lợi để khởi tố, còn Dân biểu Nghị-Sĩ, Tổng-Thống khi khởi tố sẽ tạo nên một tranh chấp chính-trị tế-nhi và có thể đưa đến hiệu lam cơ quan này xen vào nội bộ cơ-quan khác.

Do đó, Giáo-sư Nguyễn-khắc-Nhân chủ-trương nên dùng thủ tục yêu cầu Tối-Cao Pháp-Viện giải-thích một điều khoản Hiến-Pháp mà người ta nghi ngờ nội-dung Quốc-hội đã vi phạm, mặc dầu phán quyết giải thích Hiến-Pháp không có hiệu lực đình chỉ sự thi-hành nội quy vi hiến. Nhưng với phán-quyết này Quốc-hội có thể tự ý sửa đổi bản nội quy cho phù-hợp với tinh-thần Hiến-Pháp. Giải-pháp này có ưu điểm là Tối-Cao Pháp-Viện không xâm phạm vào sinh-hoạt của Quốc-Hội mà chỉ đặt Quốc-hội trước trách-nhiệm chính-trị về sự phê phán của công-luận. (1)

Theo thiên ý, Tối-Cao Pháp-Viện có quyền kiểm hiến không những nội-quy Quốc-Hội mà còn có quyền kiểm hiến và kiểm pháp mọi văn-kiến lập quy của cơ-quan Lập-Pháp và các cơ-quan hiến-định khác vì khó lòng chấp-nhận trong một Quốc-Gia lại có một số cơ-quan không tuân theo luật pháp chung. Về phương-diện hình-thức có thể nội-quy Quốc-hội không phải là một đạo-luật, nhưng về phương-diện nội-dung nội-quy có bản chất là một đạo luật, vì thế phải chịu sự kiểm hiến của Tối-Cao Pháp-Viện. Hơn nữa, văn-kiến quan-trọng nhất do cơ-quan Lập-Pháp tạo thành là đạo-luật mà còn chịu sự kiểm hiến thì nội-quy và các văn-kiến lập-quy để quản-trị ngành Lập-

(1) Nguyễn-khắc-Nhân, Luật Hành-Chánh, Giảng văn Cao-Học Hành-Chánh niên khóa 1972 - 1973.

Pháp cũng phải chịu sự kiểm-soát hiến-tính và pháp tính của Tối-Cao Pháp-Viện.

b- Đối với các Hiệp-Uớc và Hiệp-định Quốc-tế đã được Quốc-hội phê chuẩn và Tổng-Thống ban hành, theo thiên ý thì Tối-Cao Pháp-Viện cũng có quyền kiểm hiến. Nhưng qua kinh-nghiệm của Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ, Tòa án tối cao này thường tránh né lãnh vực chính-sách và sự thích nghi chính-trị. Hoặc cố tình giải-thích Hiến Pháp cho phù hợp với các điều kiện thực tế mà các nhà Lập-Hiến không tiên liệu được. Như chúng tôi đã xác nhận từ đầu vai-trò kiểm hiến của Tối-Cao Pháp-Viện là một vai trò chính-trị, các phán quyết thuộc loại này đôi khi không đặt trên căn-bản pháp lý thuần túy mà phải dựa vào công lý chính-trị và quyền lợi tối thượng của Quốc-Gia.

c- Đối với các Luật tu-chính Hiến-Pháp và Luật tổ-chức thì chúng ta có thể phân-biệt :

- Về phương-diện hình-thức Luật tu-chính và Luật tổ chức đều chịu sự kiểm-soát hợp hiến tính của Tối-Cao Pháp-Viện.

- Về phương-diện nội-dung Luật tu-chính Hiến-Pháp có giá trị Hiến-tính và là nền tảng pháp-ly mới nên tự nó đã có giá trị tối-thượng vì thế Tối-Cao Pháp-Viện không thể kiểm hiến được.

Ngược lại Luật Tổ-Chức phải chịu sự kiểm hiến về phương diện nội-dung. Thật vậy, các cơ-quan Hiến-định chỉ được Hiến-Pháp phác họa một cách tổng-quát, nhà Lập-Pháp bằng cách biểu quyết Luật Tổ-chức có thể quy-định nhiều điều khoản trái với Hiến-pháp nhất là về phương-diện thẩm-quyền. Giám-Sát Viện được tổ-chức theo luật số 09/68 ngày 23-10-1968 đã bị một số luật gia nêu lên nghi vấn vi hiến về thẩm-quyền. Điều 89 Hiến-Pháp quy-định Giám-Sát-Viện có quyền đề-nghị các biện-pháp chế tài về kỷ-luật đối với nhân-

viên phạm lỗi hoặc yêu-cầu truy tố đương-sự ra trước Tòa-án có thẩm-quyền và có thể công-bố kết-quả cuộc điều-tra.

Mục đích của điều khoản này là các nhà Lập-Hiến giao cho Giám-Sát Viện nhiệm-vụ điều tra, kiểm tra và thanh-tra với một thẩm quyền rộng rãi và độc-lập. Trong khi đó các nhà Lập-Pháp lại quan-niệm Giám Sát-Viện như định-chế Ombudsman của các nước Bắc Âu hay định chế Le Médiateur của Pháp Quốc nên điều 28 và 29 Luật số 09/68 quy-định nếu có sự bất-đồng ý-kiến về mức độ chế-tải kỷ-luật, cấp Trung-Ương của cơ-quan liên-hệ có-thể đề-nghị với Giám-Sát-Viện một biện-pháp chế-tải khác. Hội-đồng Giám-Sát-Viện sẽ chấp thuận hay bác bỏ đề nghị này trong thời hạn 7 ngày tròn. Quyết-định chấp thuận hay bác bỏ của Hội-đồng Giám-Sát-Viện có hiệu lực cưỡng hành. Và Viện bắt buộc phải truy tố người phạm pháp trong thời hạn 15 ngày tròn.

Một sĩ-quan (Đại-tá Nguyễn-Tiến) bị chế-tải của Giám-Sát-Viện đã nộp đơn yêu cầu Tối-Cao Pháp Viện phán quyết luật số 09/68 bất hợp hiến, nhưng mãi đến nay đã hơn 2 năm Tối-Cao Pháp-Viện vẫn chưa xét xử. Sự im lặng của Tối-Cao Pháp-Viện được giải-thích vì lý do uy-tín của định-chế Giám-Sát-Viện và vì các lý-do chính-trị thẳm kín khác.

2/ Túc số quyết-định.

Như ta đã biết, tố-quyền kiểm-hiến được Luật số 007/68 quy-định một cách rất rộng rãi cho tất cả mọi người bằng cả hai phương cách chính-tố và khước-biện. Việc kiểm-hiến có tính-cách hậu-kiểm nghĩa là văn-kiện bị chỉ-trích đã được thực sự áp-dụng. Và phán-quyết của Tối-Cao Pháp-Viện chỉ có hiệu lực đình-chỉ thi-hành các điều khoản bất hợp hiến của các văn-kiện lập pháp kể từ ngày phán quyết đăng trên Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Phán-quyết kiểm hiến các văn-kiến Lập-pháp, phải theo một đa số đặc biệt. Thật vậy theo điều 75 thì phán quyết của Tối-Cao Pháp-Viện tuyên-bổ một đạo-luật Sắc-luật bất hợp hiến hay giải tán một chính đảng phải hội đủ đa số $3/4$ tổng số Thẩm phán Tối-Cao Pháp-Viện tại chức. Trong mọi trường-hợp các Thẩm-Phán phe thiểu số khi biểu-quyết có quyền yêu-cầu ghi lập-trường của mình ngay dưới bản án.

Sở dĩ Hiến-Pháp và Luật 007/68 chỉ quy-định một đa số đặc biệt đối với việc kiểm hiến của các đạo-luật vì đạo-luật thường chỉ quy-định một cách tổng-quát và được soạn thảo theo một thủ-tục kỹ-lưỡng. Trước khi thành luật, dự-luật được Quốc-Hội thảo-luận và biểu quyết nghiêm chỉnh nên có thể biểu trưng được ý chí chung của toàn dân. Hơn nữa theo Nghị-sĩ Trương-tiến-Đạt :

"Tối Cao Pháp-Viện quả thực đã nắm giữ một uy-quyền bao la và quan-trọng. Cơ quan này có thể trở nên một siêu cơ-quan nắm trọn quyền để trở thành độc tài, nhất là thẩm quyền đó dựa trên một bản Hiến-Pháp có nhiều điểm mơ hồ và khó hiểu như bản Hiến-Pháp này. Căn cứ trên một đạo-luật mơ-hồ, bao quát để xét xử thì chẳng khác gì không căn cứ vào một đạo-luật nào. Nếu xét xử mà không cần tuân theo một đạo-luật nào, sự xét xử sẽ là xét theo ý kiến riêng mình mà thôi, và đó chính là nguồn gốc và mầm mống của mọi sự nguy hiểm. Chính vì cảm thấy một phần sự lo ngại đó nên các nhà Lập-Hiến đã hạn chế sự phán quyết của Tối-Cao Pháp-Viện bằng đa số ba phần tư ($3/4$) tổng số Thẩm-phán toàn Viện". (1).

(1). Trương-tiến-Đạt, Op. Cit., tr. 318.

III/- KIỂM HIẾN VÀ KIỂM PHÁP CÁC VĂN-KIỆN LẬP QUY.

Tối-Cao Pháp-Viện không những có quyền kiểm hiến các văn-kiện Lập-Pháp mà còn có quyền kiểm hiến các văn-kiện lập-quy. Thêm vào đó, Viện còn hành xử quyền kiểm pháp trước kia thuộc Tham Chính-Viện. Tổ tụng chống thặng quyền là một thẩm quyền quan-trọng nhất của Tham Chính-Viện, mục đích để kiểm soát tính cách hợp pháp của các hành vi hành-chánh hầu che chở người dân chống lại những lạm-dụng của các viên-chức hành-chánh. Nay thẩm-quyền kiểm pháp này đã về Tối-Cao Pháp-Viện với một vài sửa đổi về thủ-tục tố-tụng.

Thẩm quyền kiểm hiến và kiểm pháp các Sắc-lệnh, nghị-định, quyết-định hành-chánh của Tối-Cao Pháp-Viện rất quan-trọng vì trong thực tế nó có nghĩa là kiểm soát chính nhà cầm quyền hành-chánh. Sự kiểm soát này nhắc nhở các cơ-quan của Hành-pháp phải hành động đúng luật. Nó còn biểu dương tính cách dân-chủ của chế-độ Cộng-Hòa vì nó chứng tỏ cho người dân thấy rằng nguyên tắc trọng-pháp chi phối bất cứ ai, kể cả nhà cầm-quyền. Một Quốc-Gia có một tổ chức tố tụng chống thặng quyền rộng rãi và hữu-hiệu có thể tự hào là dân chủ.

Tuy nhiên, kết quả tốt đẹp này chỉ đạt được nếu việc kiểm hiến và kiểm pháp thực sự chu đáo, nếu cơ-quan kiểm hiến và kiểm pháp thực sự độc-lập đối với quyền Hành-Pháp và có uy-tín cao đối với quốc-dân. Ngày nay Tối-Cao Pháp-Viện có uy thế hơn Tham-Chánh-Viện, chắc sẽ hành xử thẩm-quyền này một cách hiệu quả hơn.

Cũng như thủ tục kiểm hiến các văn-kiện Lập pháp, tố tụng xin phán quyết về tính-cách bất hợp hiến hay bất hợp pháp của các văn-kiện lập-quy được mở rộng cho tất cả mọi người và mọi cơ-quan có tư cách pháp nhân. Đương-sự có thể hành sử tố quyền bằng một trong hai phương cách hoặc chính tố hoặc khước biện.

IV/- GIẢI TÁN CHÍNH ĐẢNG.

Cũng như việc giải-thích Hiến-Pháp, thẩm quyền giải-tán chính đảng được Hiến-Pháp giao phó cho Tối Cao Pháp-Viện. Cả hai thẩm quyền này đều có tính-cách chính-trị rõ rệt, bởi vì chỉ có Tổng-Thống, Chủ-Tịch Thượng Nghị-Viện, Chủ-Tịch Hạ Nghị-Viện, một phần ba (1/3) tổng số Nghị-Sĩ hoặc một phần ba (1/3) tổng số Dân-Biểu mới có quyền yêu cầu Tối-Cao Pháp-Viện giải thích Hiến-Pháp hay phán quyết về việc giải tán chính đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chính thể Cộng-Hòa. Tuy nhiên, hai thủ-tục này có một điểm khác biệt quan-trọng. Trong khi phán-quyết Giải-thích Hiến-Pháp chỉ theo đa-số thường mà người viết đã phân tích ở đoạn thứ nhất thì phán-quyết giải-tán chính đảng lại đòi hỏi phải hội đủ ba phần tư (3/4) tổng số Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện tại chức. Túc-số đặc-biệt này đã nói lên tính cách thiết-yếu của chính-đảng trong sinh-hoạt chính-trị Quốc-gia. Hơn nữa, việc xác-định thế nào là chủ-trương và hành-động chống lại chính thể Cộng-Hòa cũng gây ra nhiều tranh luận và có thể bị lạm-dụng trong việc đàn áp đối lập của chính-quyền.

Giáo-sư Vedel đã đưa ra một định nghĩa pháp lý cho danh từ Cộng-Hòa. "Cộng-Hòa là một chế-độ trong đó Quốc-Trưởng do dân bầu và không chỉ-định hoặc bằng di-kế hoặc bằng một phương-pháp quyền đoán nào." (1) Người ta thường lầm lẫn Cộng-Hòa với Dân-Chủ và nghĩ rằng chế-độ Cộng-Hòa tất nhiên đem lại dân-chủ. Thật ra dân chủ hay độc tài chỉ là một tình-trạng chính-trị của một chế-độ. Chế độ đó có thể là quân-chủ hay Cộng-Hòa. Vì thế đầu Hoa-Kỳ theo chế-độ Cộng-Hòa và Anh-Quốc theo chế độ quân-chủ nhưng cả hai đều là những nước dân chủ.

(1). G. Vedel, trích dẫn bởi Lê-đình-Chân trong "Danh từ Luật Hiến-Pháp". (Saigon : 1966), tr. 28.

Điều 25 Hiến-Pháp qui-định : "Mọi Công-dân đều có nghĩa vụ bảo-vệ tổ-quốc và chính-thể Cộng-hòa". Điều 81 lại dành riêng cho Tối-Cao Pháp-Viện tuyên phán giải-tán một chính-đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chính thể đó. Như vậy chính-đảng được biệt đãi hơn các pháp nhân khác vì được hưởng một đặc quyền tài-phán. Thay vì bị xét xử trước một tòa án thường, chính-đảng chỉ bị xét xử trước Tối-Cao Pháp-Viện. Việc chế tài bằng cách giải-tán không phải là một hình-phạt đặc biệt đối với chính đảng. Thật thế, chính đảng là một trong những pháp nhân có quy-chế pháp lý sinh hoạt trong khuôn khổ của luật-pháp Quốc-gia. Nếu pháp nhân ấy có những hành động phi pháp hay bất hợp hiến thì đương nhiên phải chịu chế tài và chế tài mạnh nhất đối với một pháp nhân phạm pháp là giải-tán.

Sở dĩ một chính đảng chỉ bị xét xử bởi Tối-Cao Pháp-Viện và phán quyết giải-tán chính đảng phải hội đủ ba phần tư (3/4) tổng số Thẩm phán Tối-Cao tại chức vì chính đảng và đối lập đã được định chế hóa trong Hiến-Pháp, Điều 99 Hiến-Pháp còn minh thị : "Quốc Gia công nhận chính đảng giữ vai-trò thiết yếu trong chế độ dân chủ." Hơn nữa, sự vi-phạm để đưa đến sự giải tán có tính cách thuần túy chính trị, một sự vi hiến nghiêm trọng chứ không phải là một hành-động phi pháp thường của chính đảng.

Về chủ-trương và hoạt-động của chính đảng chống lại chính thể Cộng-Hòa cần được minh-định vì nó liên-hệ mật thiết đến thẩm quyền Tối-Cao Pháp-Viện. Viện sẽ vô thẩm quyền nếu hoạt động của chính đảng chỉ phi pháp mà không chống lại chính-thể Cộng-Hòa. Vậy ta cần phân tích ba điểm sau đây : Thế nào là chống lại chính-thể Cộng-Hòa, điều kiện cấu thành tội phạm và hậu quả chính-trị của tội phạm.

1/ Nội-dung của sự chống lại chính thể Cộng-Hòa.

Chống chính-thể Cộng-Hòa trước hết là xâm phạm hay làm nguy hại sự hiện sinh của nền Cộng-Hòa.

Thí dụ một chính đảng chủ-trương tái lập nền quân-chủ hay thiết-lập một chính-thể độc tài phát xít.

Chống chính thể Cộng-Hòa còn có nghĩa là xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ hay nền độc-lập của quốc-gia, chẳng hạn như một chính đảng chủ-trương chia cắt đất nước hay làm tay sai cho ngoại bang để mưu đồ bán nước cầu vinh, vì điều 1 Hiến-Pháp đã ghi rõ "Việt-Nam là một nước Cộng-Hòa, độc-lập, thống nhất, lãnh thổ bất khả phân".

Trái lại chủ trương thay đổi hình thức của Quốc-hội, hay nội dung của chế độ tuyển cử không có tính cách chống lại chính-thể Cộng-Hòa. Tuy nhiên một chính đảng không có chủ-trương và hành-động chống lại chính-thể Cộng-Hòa vẫn bị đương nhiên giải tán nếu không hội đủ những điều kiện luật định (luật 09/69 và Sắc-luật số 060/72).

Ngoài ra theo Hiến-chế, Việt-Nam Cộng-Hòa là một Quốc-Gia chống Cộng cho nên một chính đảng có chủ trương Cộng-Sản thì đương nhiên bất hợp hiến và không được phép hoạt động nữa.

Thật ra điều 81 đoạn 2 Hiến-Pháp có thể gây ra nhiều tranh luận vì nếu giải-thích chặt chẽ danh từ "chống lại chính thể Cộng-Hòa" thì chỉ có những chính-đảng chủ-trương tái lập nền Quân-chủ hay thiết-lập một chính-thể độc tài phát xít mới bị Tối-Cao Pháp-Viện phán quyết giải-tán, còn nếu chủ-trương chia cắt đất nước, duy trì tình trạng hai nước Việt-Nam hiện tại, lệ thuộc vào một cường quốc hay cố xúi chủ nghĩa Cộng-Sản thì vượt ra ngoài thẩm quyền của Tối-Cao Pháp-Viện.

Trường-hợp chính-trị tế nhị là hiện nay đảng Dân-chủ đang nắm chính-quyền của Tổng-Thống Nguyen-văn-Thiệu chủ-trương để Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền-Nam hội nhập vào môi trường chính-trị Quốc-gia và sinh hoạt như một chính đảng. Điều đó tất nhiên đã là vi-

hiến. Nhưng đây là một vấn đề chính-trị không những có tính cách quốc-nội mà còn có tầm mức quốc-tế nên phải được giải-quyết bằng phương cách chính-trị dựa trên các tương quan quyền lực và những tính toán thực tế để phù hợp với quyền lợi Quốc-Gia. Không một nhà lãnh đạo quốc-gia nào lại hy-sinh quyền lợi chung để đánh đổi một điều khoản chết của Hiến-Pháp.

2/ Điều-kiện cấu thành tội-phạm.

Vấn đề đặt ra là một chánh đảng chống chính thể Cộng-hòa bằng cách nào thì mới bị giải-tán ?

Theo điều 81 Hiến-Pháp thì chánh đảng ấy phải chống bằng "chủ-trương và hành-động". Chủ-trương là mục đích mà đảng muốn đạt được bằng sự hoạt-động chính trị. Chủ-trương không phải là mục đích ghi trong đảng quy mà có thể là cả những mục tiêu thầm kín đảng muốn thực hiện miễn là có đủ bằng chứng về những mục tiêu ấy.

Vì điều 81 Hiến-Pháp dùng chữ "và" để nối hai danh từ "chủ-trương" và "hành-động" nên ta có thể hiểu rằng, về nguyên-tắc, một chánh đảng chỉ mới có chủ-trương mà chưa hành động chống lại chính thể Cộng-Hòa thì chưa thể bị giải-tán.

Ngược lại, một chánh đảng có những hành-động chống lại chính thể Cộng-Hòa nhưng chủ-trương ghi trong đảng quy vẫn hợp hiến có thể bị giải-tán không ?

Như trên đã nói, khi tìm biết chủ-trương của một chính-đảng, Tối-Cao Pháp-Viện không thể chỉ căn cứ vào hình thức bề ngoài nghĩa là căn-cứ mục đích ghi trong đảng quy mà phải tìm biết cả những mục tiêu thầm kín qua hành-động của các đảng viên.

3/ Hậu-quả của việc giải-tán.

Khi một chánh đảng bị Tối-Cao Pháp-Viện giải-tán thì tất cả những tổ chức, trực thuộc chánh đảng đó

phải tan vỡ luôn. Trong phán quyết giải-tán Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền truyền sung thâu tài-sản của chính đảng bị giải-tán vào công quỹ Quốc-gia. Biện pháp tịch thâu tài-sản có mục đích ngăn chặn chính-đảng bị giải-tán sử-dụng tài-sản này để tiếp-tục hoạt động trong bóng tối.

MỤC II.- CÔNG-LÝ CHÍNH-TRỊ.

Tối-Cao Pháp-Viện không những là một Tòa-án cao nhất mà còn là một phần ba của chính-quyền, giữ một vai-trò quan-trọng trong việc quyết-định cho Quốc-Gia hiện nay và vạch đường lối phải đi trong tương lai.

Những Tòa-án các cấp chỉ giải thích nội-dung sẵn có của Luật-Pháp và công việc đến đây là hết. Người ta gọi đây là Tòa án pháp lý. Nhưng Tối-Cao Pháp-Viện thì lại khác. Tối-Cao Pháp-Viện, cao hơn cả, phải là một Tòa án của công-lý. Và Tòa án của công-lý phải phán-quyết "đây là lẽ phải." Nếu Viện không làm được theo ý đó vì một đạo-luật không cho phép thì Viện phải triệt hạ luật đó đi. Đã nhiều lần Viện ấn-định luật pháp về sau phải ra sao. Trên lý thuyết công việc này thuộc nhiệm vụ của Quốc-Hội. Nhưng Viện có quyền gợi ý, nhắc nhở sự thiếu sót hay sai lầm của Luật-pháp. Đây là nhiệm vụ dự-pháp của Tối-Cao Pháp-Viện.

Thế nào là công-lý chính-trị ? Làm sao công lý và chính-trị lại có thể đứng chung với nhau trong khi công-lý và chính-trị là hai lãnh-vực biệt-lập đôi khi còn mâu-thuẫn nhau nữa ?

Người ta thường viện dẫn ba lý do sau để chứng-minh sự hiện hữu của một nền Công-lý chính-trị là cần thiết.

1- Về phương-diện quyền-lợi của chế-độ, người ta cho rằng sự vô-tư và độc-lập của Tòa-án đặc-biệt sẽ bảo-đảm công-lý vì các Thẩm-phán này không sợ sệt, kiêng

nề đối với những người đang ở những chức vụ có quyền hành lớn lao.

2- Về phương-diện quyền-lợi của Thẩm-phán đoàn, đòi hỏi rằng đoàn-thể này không dính dáng vào những cuộc tranh-chấp chính-trị hay quyền lợi chính-trị để có thể hoàn-toàn công minh trong nhiệm-vụ của mình.

3- Sau hết về phương-diện quyền-lợi của bị cáo, mà hoạt-động phải được thẩm định bằng một cơ-quan tài phán đặc biệt phân xử theo quan-điểm chính-trị về đặc-quyền kỹ-thuật của cơ-quan công-quyền cũng như quyền lợi Quốc-gia. Sự thẩm-định này không thể nào theo tinh-thần pháp-lý thuộc lãnh-vực Tư-pháp như dân luật mà phải theo tinh-thần công-pháp dựa vào các yếu tố nhân-sự, định-chế, cơ-cấu và nhất là hoàn cảnh và môi trường chính-trị.

Do đó người viết sẽ trình bày vấn đề dưới hai điểm sau đây :

I/- THẨM-QUYỀN DỰ-PHÁP CỦA TỐI-CAO PHÁP VIỆN

Ngoài nhiệm-vụ thống-nhất hóa án-lệ hầu giải thích luật-pháp Quốc-gia theo một quan điểm chung, Tối Cao Pháp-Viện còn có thẩm-quyền dự pháp, nghĩa là qua phán quyết, Tối-Cao Pháp-Viện có thể trình bày chiều hướng luật pháp phải theo trong tương-lai hầu gợi ý cho Hành-pháp và Lập-pháp những thiếu sót trong hệ-thống pháp lý hiện hữu cũng như tạo đường-hướng mới cho Luật pháp Quốc-gia, hầu hai cơ-quan này có thể xử-dụng sáng quyền lập-pháp của mình.

Phán-quyết ngày 29-4-1970 và ngày 5-5-1970 (1) của Tối-Cao Pháp-Viện về tính cách bất hợp hiến của Sắc-luật số 11/62 ngày 21-5-1962 thiết-lập Tòa-án Quân-sự Mặt-Trận đã đưa đến việc ban-hành Luật số 006/70 ngày

(1). Vụ Huỳnh-Tân-Mâm (29-4-70) và Trần-Ngọc-Châu (5-5-1970).

23-6-1970 sửa đổi Sắc-luật nói trên để phù hợp với Hiến Pháp hầu bảo đảm quyền lợi của bị can.

Phán quyết ngày 07-6-1971 của Tối-Cao Pháp-Viện tuyên bố hợp hiến thành phần thẩm phán hiện hữu của Tối-Cao Pháp-Viện đã giải-quyết được cuộc khủng hoảng chính-trị ở thượng tầng cơ cấu quốc-gia và thúc đẩy Quốc-hội biểu quyết Luật số 010/71 ngày 29-6-1971 sửa đổi và bổ túc luật số 007/68 ngày 3-9-1968 ấn-định tổ-chức và điều-hành Tối-Cao Pháp-Viện.

Người ta có thể phê-bình phán quyết này về phương-diện kỹ-thuật tư-pháp vì đối tượng vụ kiện chính là Tối-Cao Pháp-Viện (On ne peut à la fois être juge et partie). Nhưng thật ra quan-điểm này không hoàn toàn hợp lý vì nguyên đơn Nguyễn-thế-Phương tự Nam-Đình trong đơn khởi tố đề ngày 4-5-1971 đã thỉnh cầu Tối-Cao Pháp-Viện tuyên phán về tính-cách bất hợp hiến của Luật 007/68 và Sắc-lệnh số 510-SL/TT ngày 19-10-1968 của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa bổ nhiệm chín (9) Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện nhiệm kỳ đầu tiên. Theo điều 81 đoạn 1 của Hiến-Pháp thì chỉ có Tối-Cao Pháp-Viện mới có thẩm quyền phán quyết về tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các văn-kiến lập-pháp và lập quy. Do đó Tối-Cao Pháp-Viện không thể hồi-tý được. Trong phần dẫn chiếu án văn, Tối-Cao Pháp-Viện đã bày tỏ một tinh thần trách-nhiệm chính-trị rõ rệt :

"Chiếu chỉ lương-tâm chức-nghiệp không cho phép các Thẩm-Phán Tối-Cao từ chối trách-nhiệm mà toàn dân đã ủy thác cho Tối-Cao Pháp-Viện, và quyền lợi tối thượng của Quốc-gia đòi hỏi việc xét xử để làm sáng tỏ một vấn đề trọng đại hầu chặn đứng việc phổ biến những quan-niệm sai lầm phương-hại đến chế độ pháp trị". (1).

(1) "Phán-quyết ngày 7-6-1971", Tư-Pháp Tập-San. I (tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6 năm 1971), tr. 47.

II/- CÔNG-LÝ CHÍNH-TRỊ VÀ ĐẶC-BIỆT PHÁP-VIÊN.

Đặc-biệt Pháp-Viện là một cơ-quan tài-phán chính-trị có sự hợp tác giữa Tư-Pháp và Lập-Pháp do Luật số 12/69 ngày 24-9-1969 thiết-lập. Cơ quan này có thẩm quyền truất quyền Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống, Thủ-Tướng, Tổng Bộ-Trưởng, Thẩm-Phán Tối-Cao, Giám-Sát-Viên trong trường-hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác.

Đặc-biệt Pháp-Viện gồm có Chủ-Tịch Tối-Cao Pháp-Viện giữ chức Chánh-Tham và năm Nghị-Sĩ cùng năm Dân-Biểu giữ chức Hội-Tham. Khi chủ-tịch Tối-Cao Pháp-Viện là bị can thì Chủ-Tịch Thượng-Nghị-Viện giữ chức Chánh-Tham.

Chỉ có Quốc-Hội mới có tư cách khởi tố các nhân vật nói trên trước Đặc biệt Pháp-Viện. Đây là một thủ-tục phát-sinh từ thủ-tục Impeachment của Anh Quốc. Phán-quyết truất-quyền phải theo đa số ba phần tư (3/4), riêng đối với Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, phán quyết này phải hội đủ đa số bốn phần năm (4/5) tổng số nhân-viên Đặc-biệt Pháp-Viện.

Mặc dầu thủ-tục này chưa bao giờ được hành xử tại Việt-Nam Cộng-Hòa, nhưng Luật Hiến-Pháp đối chiếu cho ta thấy nó đã hơn một lần được hành xử tại Hoa-kỳ. Trong đó vai-trò vị Chánh-Tham, tức Chủ-tịch Tối-Cao Pháp-Viện, thật vô cùng quan-trọng.

Nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật không ngăn cản các nhân vật lãnh đạo Quốc-gia được hưởng một đặc quyền tài phán vì tư cách và vai-trò chính-trị của họ. Thật vậy, nếu các nhân vật này phạm trọng tội họ vẫn bị truy tố trước các Tòa án tư pháp, nhưng chỉ truy tố họ trong tư cách là một công dân chứ không thể truy tố họ trong tư cách là các nhà lãnh đạo Quốc-gia. Vì thế họ cần phải được một cơ quan chính-trị thẩm định, cân nhắc sự lợi hại theo quan điểm chính-trị để xem sự truất quyền họ có cần thiết

cho quyền lợi quốc-gia hay không. Nếu bị truất quyền thì họ trở thành một công dân thường và dĩ nhiên bị luật pháp chi phối như bất cứ một công dân nào khác.

Vấn đề thật khó khăn và tế-nhị khi nhân vật bị đưa ra trước Đặc-biệt Pháp-Viện để truất-quyền là vị Tổng-Thống nắm trong tay chức vụ Tổng Tư-Lệnh Tối-Cao Quân-lực. Truyền-thống chính-trị tại Anh-quốc và Hoa-kỳ cho phép người ta lạc quan, nhưng tại các Quốc gia sinh hoạt dân chủ còn phôi thai như Việt-Nam, tình trạng này khó lòng tránh được một cuộc đảo chánh mà hậu quả là hủy diệt chế độ hiện hữu. Do đó, một phán quyết theo công lý chính-trị thật vô cùng cần thiết. Và sự khéo léo của vị Chánh-Thẩm trước các phản ứng bùng-bọt nhất thời của dân chúng là một đóng góp tích cực và quý báu cho quyền lợi Quốc-gia.

Chủ-tịch Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-kỳ, Thẩm-phán Salmon P. Chase (nhiệm kỳ 1864 - 1873) đã một lần chứng tỏ tài ba đó. Sau khi Tổng-Thống A. Lincoln bị ám sát, Phó Tổng-Thống Andrew. Johnson lên kế vị đã theo đuổi chính sách "miền Bắc thắng trận phải quên chuyện cũ và tha thứ kẻ chiến bại miền Nam" của vị Tổng-Thống tiền nhiệm. Nhưng uy tín của Tổng-Thống Johnson không thể nào sánh được với Tổng-Thống Lincoln nên ông đã bị Quốc-hội tố cáo là "người cướp quyền của kẻ chiến thắng miền Bắc". Họ đem ông ra luận tội để truất quyền (Impeachment).

Thâm ý của Quốc-hội là muốn chiếm hết quyền hành trong nước để biến Tổng-Thống chế thành một chế độ tương tự như chế-độ Đại-nghi của Anh-Quốc. Và Quốc Hội dự đoán rằng Thẩm-Phán Chase, Chủ-tịch Tối-Cao Pháp-Viện, sẽ nhân dịp này tìm hậu thuẫn nơi dân chúng vì ông nguyên là một chính-trị gia đã từng làm Bộ-Trưởng Tài-Chánh dưới thời Lincoln.

Nhưng ông Chase thấy rằng nếu để Quốc-hội nhảy vào thì cả Tổng-Thống lẫn Tối-Cao Pháp-Viện sẽ mất hết quyền hành, nên ông quyết-định rằng cuộc xét xử này phải phân-minh, thực-hiện đúng thủ-tục hiến-định. Tổng-Thống chỉ bị truy tố khi có bằng chứng rõ ràng "phạm tội phản quốc, hối lộ hay các trọng tội khác".

Ông cho phép luật-sư Tổng-Thống vận hỏi nhân chứng, và các luật-sư đã vạch rõ ra là các nhân chứng này chỉ dựa vào tiếng đồn. Sau rốt mọi người thấy rõ Tổng-Thống chỉ phải một cái tội là không được đối thủ ưa thích.

Đối thủ của Tổng-Thống Johnson không ai tin rằng ông đã phạm tội "phản quốc" hay "hối-lộ" nên họ bèn ghép ông vào "các trọng tội khác".

Đến giờ quyết-định, 35 Thượng Nghị-Sĩ biểu quyết "có tội" và 19 Nghị-sĩ biểu quyết "Vô tội". Tổng số Nghị-sĩ là 54, như vậy phải hội đủ 36/54 mới được túc số 2/3 hiến định để truất quyền Tổng-Thống.

Tổng-Thống Johnson thoát nạn là nhờ vào sự phân minh của Thẩm-Phán Chase đã làm sáng tỏ vấn đề và chuyển hướng quan điểm một số Thượng Nghị-sĩ.

Lúc đầu Thẩm Phán Chase bị dư luận mạt-sát, nhưng khi tình trạng lắng dịu và người ta có thì giờ suy nghĩ họ lại hoan hô Thẩm Phán Chase là một vị Chủ-Tịch Tối-Cao Pháp-Viện tài ba. Người ta nhận định nếu Andrew Johnson bị cất chức vì Quốc-hội không ưa, thì về sau không vị Tổng-Thống nào dám đương đầu với Quốc-hội nữa. Và việc làm giảm uy tín của chức vụ Tổng-Thống còn nguy hại hơn là để cho một ông Tổng-Thống không xuất sắc phục vụ đến trọn nhiệm kỳ.

★

★ ★

PHẦN THỨ HAI

TỐI CAO PHÁP VIỆN
TRONG SINH HOẠT CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



PHẦN THỨ HAI

TỐI CAO PHÁP VIỆN

TRONG SINH HOẠT CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Qua phần thứ nhất người viết vừa trình bày các thẩm quyền chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện. Mặc dầu cố tránh nhưng không khỏi đề cập vài khía cạnh pháp lý của vấn đề. Phần thứ hai này sẽ được khảo sát dưới khía cạnh chính-trị nhiều hơn để từ đó có thể nhìn thấy sự đóng góp và vai-trò của Tối-Cao Pháp-Viện trong sinh-hoạt chính-trị Quốc-Gia.

Sự đóng góp và vai trò của Viện thể hiện bởi :

- Khuynh-hướng của các phán quyết, và
- Mức độ độc-lập của Viện đối với các thành-phần áp-lực nội tại và ngoại-lai.

★

★ ★

CHƯƠNG IV

KHUYNH HƯỚNG CHÍNH TRỊ CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN

Từ khi được thành lập đến nay, Tối-Cao Pháp-Viện đã đóng góp rất nhiều trong sinh-hoạt chính-trị Quốc-Gia qua các phán-quyết kiểm-hiến, kiểm pháp và giải thích Hiến-Pháp. Người ta có thể nhận định được khuynh-hướng chính-trị của Viện qua các án-lệ đó. Người viết sẽ lần lượt phân tích một số án-lệ tiêu-biểu nhất cho các vai-trò của Viện. Sau đó sẽ có một cái nhìn tổng quan về đường-hướng chung của các án-lệ mà Viện đã xây-dựng.

MỤC I. - ÁN LỆ BẢO HIẾN.

I/- ÁN-LỆ GIẢI THÍCH HIẾN PHÁP.

1/ Trọng tài giữa Hành-Pháp và Lập-Pháp :

Phán quyết ngày 31-1-1969.

a- Tóm tắt nội vụ : Do văn thư đề ngày 13-1-1969, 22 Nghị-sĩ trình bày rằng ngày 9-1-1969 Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa gửi Thông-Điện yêu cầu Quốc-hội phúc-nghị dự luật Ngân-sách tài-khoá 1969 đã được Quốc-hội chung quyết ngày 6-1-1969, nhưng sự yêu cầu này bất khả chuẩn chấp vì luật Ngân-sách là một luật đặc-biệt được Hiến-Pháp quy-định trong một điều khoản riêng là điều 46, điều này chỉ dự liệu trường-hợp bất đồng ý kiến giữa Thượng Nghị-Viện và Hạ Nghị-Viện và không dành cho Tổng-Thống quyền yêu-cầu phúc-nghị ; kết luận

các Nghị-sĩ yêu-cầu Tối-Cao Pháp-Viện giải-thích Hiến-Pháp về điểm sau đây : "Chiếu Hiến-Pháp, Tổng-Thống có quyền yêu-cầu Quốc-Hội phúc nghị dự-luật Ngân-sách hay không ?"

b- Quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện : Trong phán quyết ngày 31-1-1969, Tối-Cao Pháp-Viện đã quan-niệm rằng : "Chiếu các điều 43, 44, 45 và 46 của Hiến-Pháp, Tổng-Thống có quyền yêu cầu Quốc-Hội phúc nghị dự luật Ngân-Sách, tự ý đối với một hay nhiều chương, mục Ngân-Sách thuộc Hành-Pháp, và chỉ theo sự yêu cầu của các quyền độc lập khác đối với chương, mục Ngân-sách thuộc các quyền này".

c- Nhận xét quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện : Để vấn đề được sáng tỏ tương cần nhắc lại một vài chi tiết quan-trọng của sự tranh-chấp này giữa Lập-Pháp và Hành-Pháp. Hiến-Pháp dành cho Tổng-Thống quyền yêu-cầu Quốc-Hội phúc nghị một dự luật đã được Quốc-Hội chung quyết. Đây là một ưu thế của Hành-Pháp nên đôi khi Tổng-Thống đã lạm dụng thủ tục này để thắng Quốc-Hội. Sự lạm-dụng biểu-lộ rõ rệt nhất trong việc yêu cầu phúc nghị nói trên. Trong dự thảo ngân-sách 1969, Thượng Nghị-Viện đã tự-ý xén bớt Ngân-sách dành cho mình 7.434.000\$, nhưng Tổng-Thống đã yêu cầu Quốc-Hội chấp thuận nguyên vẹn dự thảo Ngân-sách kể cả phần Ngân-sách của Thượng Nghị-Viện nên việc tranh chấp mới xảy ra và đưa đến phán quyết trên.

Phê bình phán quyết này, Ông Trần-Việt-Long đã viết :

"Phán quyết này có ưu điểm về phương-diện chính-trị, ngăn cản việc phúc-nghị vì tự ái của Tổng-Thống, nhưng lại vi hiến ngay từ căn-bản nguyên tắc : "Ở đâu luật không phân biệt thì chúng ta cũng không được phân biệt." (ubi lex non distinguit, nec nos distinguere debemus).

Thật vậy, Hiến-Pháp 1967 không phân-biệt Tổng-Thống chỉ có quyền yêu cầu Quốc-hội phúc nghị Ngân-sách thuộc Hành-Pháp. Nếu Quốc-gia theo đuổi một chính sách tiết kiệm, trong đó Ngân-sách của Hành-Pháp quá ít mà Quốc-Hội lại biểu quyết Ngân-Sách dành cho Lập-Pháp quá nhiều thì Tổng-Thống dĩ nhiên có quyền yêu cầu Quốc-hội giảm bớt lại!"(1)

2/ Trọng tài giữa Lương-Viện Quốc-Hội.

Phán quyết ngày 6-12-1968.

a- Tóm tắt nội vụ : Do văn-thư ngày 5-12-1968, Chủ-tịch Thượng Nghị-Viện yêu cầu Tối-Cao Pháp-Viện giải-thích điều 39 đoạn 3 của Hiến-Pháp (2) về thể thức triệu tập Quốc-Hội để biểu-quyết việc gửi tới Ba-Lê một phái-đoàn tham-dự Hội-Nghị hòa-dàm ngõ hầu thăm dò mọi triển vọng đưa tới hòa-bình theo lời yêu cầu của Tổng-Thống.

b- Quan điểm của Tối-Cao Pháp-Viện : Trong phán quyết ngày 6-12-1968 Tối-Cao Pháp-Viện đã quan niệm rằng "Thể thức để Quốc-Hội quyết định về việc nghị-hòa dự liệu nơi điều 39 đoạn 3 của Hiến-Pháp là Hạ-Nghị-Viện và Thượng Nghị-Viện họp chung".

c- Nhận xét quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện : Đây là phán quyết giải-thích Hiến-pháp đầu tiên của Tối Cao Pháp-Viện. Trong phần viện dẫn án văn, Viện đã cho thấy một quan điểm chính-trị đặt trên quyền lợi của Quốc-gia hơn là trên khía cạnh giải-thích chặt chẽ Hiến

(1).Trần-Việt-Long, "Diễn-Trình Tu-Thảo Luật-Pháp," Tập san Quốc-Phòng, 21 (tháng 3 năm 1972), tr. 168.

(2).Điều 39 đoạn 3 : "Quốc-Hội có thẩm-quyền quyết định việc tuyên-chiến và nghị-hòa."

Pháp. Bởi vì, theo Hiến-Pháp Lương-Viện Quốc-Hội chỉ họp chung trong hai trường-hợp sau đây :

- Chung quyết một dự luật theo lời yêu cầu phúc nghị của Tổng-Thống (điều 45).

- Và biểu quyết đề-nghị tu chính Hiến-Pháp (điều 104).

Nếu suy rộng ra thì còn một trường-hợp chung nữa là khi Tổng-Thống đến đọc thông điệp trước Quốc-Hội vì Tổng-Thống không thể cùng một thông-diệp mà phải đọc lần lượt trước mỗi Viện. Hơn nữa, thông điệp của Tổng-Thống có một mục đích quan-trọng là để thông báo cho Quốc-hội biết tình hình Quốc-Gia và chính-sách đối nội, đối ngoại của chính-phủ hầu Quốc-hội có thể sử-dụng quyền Lập-Pháp của mình.

Vấn đề hòa đàm "có tính cách quan-trọng đặc biệt đối với vận mạng của đất nước, một cuộc thảo luận chung giữa các Nghị-sĩ và Dân-Biểu là cần thiết để phản ảnh ý chí và lập trường chung của toàn dân!"(1)

Sở dĩ có phán-quyết giải-thích Hiến-Pháp này vì sự đố kỵ giữa hai Viện.

"Nghị-sĩ thường có mặc cảm tự tôn vì cho rằng họ đại-diện toàn quốc và phần lớn là những người có địa-vị cao trong xã-hội, họ có lập-trường, có hậu thuẫn chính-trị, có khả năng cũng như sự chín chắn trầm tĩnh. Hơn nữa, nhân số Nghị-sĩ chưa bằng phân nửa dân biểu. Do đó, Thượng Nghị-Viện cố tình tránh né các phiên họp khoáng đại lưỡng viện".(2)

(1). Án-văn phán-quyết ngày 6-12-1968 của Tối-Cao Pháp-Viện.

(2). Trần-Việt-Long, Op. Cit, tr. 160.

3/ Xác nhận sự hiện diện của Tối-Cao Pháp-Viện.

Phán quyết ngày 19-8-1969.

a- Tóm tắt nội vụ : Do văn-thư 30-6-1969 Chủ Tịch Thượng Nghị-Viện và Chủ-tịch Hạ-Nghị-Viện yêu cầu Tối-Cao Pháp-Viện giải thích điều 45 Hiến-Pháp về điểm sau đây : "sau phần chung quyết, khi dự luật đương nhiên thành luật, và được Quốc-Hội gởi lên Tổng-Thống để ban hành, Tổng-Thống có thể tự ý sửa đổi bản văn đó trước khi ban hành không ?"

b- Quan điểm của Tối-CaoPháp-Viện : Trong phán quyết ngày 19-8-1969, Tối-Cao Pháp-Viện đã quan niệm rằng : "chiếu điều 45 và 81 Hiến-Pháp, sau khi Quốc-Hội chung quyết một dự luật và chuyển đến Tổng-Thống để ban hành, nếu không đồng quan điểm với Quốc-Hội về việc giải-thích một điều khoản của Hiến-Pháp, Tổng-Thống chỉ có thể ban-hành sau khi văn đề tranh-chấp đã được Tối-Cao Pháp-Viện giải-quyết."

c- Nhận xét quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện : Vụ tranh-chấp này liên-quan đến Luật số 008/69 ngày 26-5-1969 về việc bãi-bỏ Tòa-Án Đặc-Biệt, khi luật này còn là dự-luật, Tổng-Thống đã yêu-cầu Quốc-hội phúc nghị điều 2 và điều 3. Điều 2 đã bị 103 phiếu và điều 3 bị 66 phiếu không chấp-thuận về lời yêu-cầu phúc-nghị của Tổng-Thống. Theo quan-điểm của Quốc-hội thì lời yêu-cầu phúc-nghị đã bị chung-quyết bác bỏ về cả 2 điểm vì lẽ số phiếu chấp thuận không đạt quá bán tổng số quý vị Dân-biểu và Nghị-sĩ. Nhưng theo Tổng-Thống, thì Quốc-Hội chỉ đủ túc-số để bác bỏ lời yêu-cầu phúc-nghị về điều 2 mà thôi. Nên Tổng-Thống ban hành luật này theo tiêu-chuẩn đó.

Tuy quan-điểm của Tổng-Thống hoàn-toàn hợp lý và đã được xác nhận bởi phán-quyết ngày 13-6-1969 của Tối-Cao Pháp-Viện. Nhưng ở đây quan-điểm đó lại đối nghịch với quan-điểm của Quốc-hội mà Tổng-Thống vẫn

ban hành luật. Vô hình chung Tổng-Thống đã quên sự hiện-diện của Tối-Cao Pháp-Viện. Điều đó có thể gây ra nhiều hiểu lầm rằng Hành-Pháp xem thường vai-trò chính-trị của Tư-Pháp và khuynh-loát Lập-Pháp.

Mặc dầu phán-quyết này không có hiệu-lực đình chỉ hay thu hồi Luật 008/69 vì Tổng-Thống đã đặt Quốc-Hội và Tối-Cao Pháp-Viện trước một tình-trạng đã rồi. Nhưng nó có hiệu lực như một nguyên-tắc tiên quyết xác nhận sự hiện diện của Viện trong cơ chế Quốc-Gia và thẩm quyền giải-thích Hiến-Pháp của Viện trong vai trò phối hợp và điều hòa giữa ba công-quyền hiến định.

II/- ÁN - LỆ KIỂM - HIẾN.

1/ Điều-hòa sinh-hoạt chính-trị Quốc-Gia.

Phán-quyết ngày 13-7-1971.

a- Tóm tắt nội-vụ : Sau khi Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 quy-định thể-thức bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống được ban hành, các Ông Nguyễn-Trần, Trần-Công-Quốc, Cao-thế-Dung và Lương-văn-Thọ đã lần lượt thỉnh cầu Tối-Cao Pháp-Viện tuyên-phán điều 10 khoản 7 của Luật này về sự giới-thiệu ứng cử viên Tổng-Thống là vi hiến. Một quan-điểm duy-nhất của Viện đã được trình bày trong các phán-quyết ngày 13-7-1971 liên-quan đến từng vụ nói trên.

b- Quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện : Theo quan-điểm của Viện thì điều 10 khoản 7 không bất hợp hiến. Tuy nhiên, lần đầu tiên trong án-văn kiểmhiến của Viện có một lập-trường đối-ngịch của Thẩm-Phán Tối-Cao Trần-Minh-Tiết.

c- Nhận xét quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện : Theo Giáo-sư Nguyễn-Quang-Quỳnh, một chuyên viên tại Tối-Cao Pháp-Viện, nguyên-tắc giới thiệu ứng cử viên

Tổng-Thống không vi hiến. (1) Chúng tôi có cùng quan-điểm với Thượng-Nghị-Viện và Thẩm-Phán Tối-Cao Trần-Minh-Tiết, (2) nghĩa là ngược lại với lập-trường của Tối-Cao Pháp-Viện và Giáo-sư Nguyễn-quang-Quỳnh.

Thật vậy, điều kiện giới thiệu ứng cử viên Tổng-Thống của điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 vi phạm Hiến-Pháp tại điều 2 khoản 2 về "sự bình-đẳng giữa các công-dân," điều 13 khoản 2 về "quyền ứng-cử trên căn-bản bình-đẳng,"² và vi-phạm tinh-thần của Hiến-Pháp khi dành riêng cho Quốc-Hội và các Nghị-Viên độc-quyền đề cử ứng cử viên Tổng-Thống, đặt Hành-Pháp trong một thế yếu hơn Lập-Pháp, trái với chủ-trương của Hiến-Pháp. Ngoài ra điều luật trên còn đi ngược lại ý chí của nhà Lập-Hiến khi đặt lại một điều kiện ứng cử có tính cách chủ-quan mà Quốc-Hội Lập-Hiến đã bác bỏ với đa số tuyệt đối (69/117 Dân-Biểu Lập-Hiến).

Nhưng trên phương-diện chính-trị, sự giới thiệu ứng cử viên Tổng-Thống là một biện-pháp thích nghi.

Trước hết, sự giới thiệu này làm giới hạn số ứng cử viên hầu có thể nâng cao uy tín của vị Tổng-Thống đắc cử bằng số phiếu tín nhiệm của Quốc-dân. Trong cuộc bầu cử Tổng-Thống năm 1967 có đến 11 Liên-danh tranh cử không những làm cho cuộc bầu cử có tính cách trào phúng mà còn làm tổn thương uy tín của chế-độ trên chính trường quốc-tế.

(1). Nguyễn-Quang-Quỳnh, "Khoản 7 điều 10 của Luật Bầu-cử Tổng-Thống 1971," Nghiên-Cứu Hành-Chánh, 4 (tháng 10, 11, 12 năm 1971), tr. 9

(2) Xin đọc : - Biên-bản Thượng-Nghị-Viện số 05/71 ngày 18, 19-3-1971.

- "Phán-quyết ngày 13-7-1971 của Tối-Cao-Pháp-Viện", Tư-Pháp Tập San, 2 (1971), tr. 10-16.

Nguyên tắc giới thiệu còn có ưu điểm thúc đẩy các chính đảng kết-hợp để sớm tiến đến Lương đảng, một nhu-cầu thiết-yếu của sinh-hoạt dân-chủ.

Có thể đây là quan điểm thâm kín của Tối-Cao Pháp-Viện với mục-dịch điều-hòa sinh-hoạt chính-trị quốc-gia. Vì với trên 500 Nghị-Viên và gần 200 Nghị-Sĩ và Dân-Biểu mà mỗi liên-danh chỉ được lấy sự giới thiệu của một trong hai thành phần trên (100 Nghị-Viên hoặc 40 Nghị-sĩ, Dân-Biểu) thì ít nhất cũng có hai liên danh tranh cử.

Nhưng thực tế đã không diễn ra theo dự đoán đó. Tuy thế, cuộc khủng hoảng chẳng bao lâu đã trôi theo thời gian và không mấy ai chú ý đến vai trò tích cực của Tối-Cao Pháp-Viện trong Quyết-Định ngày 22-10-1971 tuyên-bố kết-qua cuộc bầu-cử.

2/ Bảo vệ công-quyền tự-do.

Phán quyết ngày 29-4-1970.

a- Tóm tắt nội vụ : Bằng Trục-tố-lệnh số 1265/TA/MTLD/V3/TTL ngày 13-4-1970, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Phòng chiếu Sắc-Luật số 11/62 ngày 21-5-1962 đã truy tố sinh-viên Huỳnh-tấn-Mãm và 20 bị can ra trước Tòa Án Quân-Sự Mặt-Trận Lưu-Động Vùng 3 Chiến-Thuật về tội "Phản-nghịch và hành-động phá rối cuộc trị an!"

Các Luật-sư của các bị can đã nêu khước biện vi hiến và thỉnh cầu Tòa Án Quân-Sự Mặt Trận Lưu-Động chuyển đơn khước-biện cùng với hồ-sơ nội vụ lên Tối-Cao Pháp-Viện. Nhưng Tòa Án Quân-sự Mặt-Trận từ khước nạp trình đơn khước biện và vẫn tiếp tục xét xử. Do đó ngay trong ngày 20-4-1970 các Luật sư của bị can đã nạp đơn khiếu nại chống quyết nghị của Tòa Án Quân-Sự Mặt Trận Lưu-Động từ khước nạp trình lên Tối-Cao Pháp-Viện đơn khước biện vi hiến về hai điểm sau :

- Biên bản điều tra, thẩm vấn của Nha Cảnh-Sát Quốc-Gia Đô-Thành Saigon và Trục-tố Lệnh số 1265/TA/MFLD/V3/TTL.

- Sắc-Luật số 11/62 thiết-lập Tòa Án Quân-Sự Mặt-trận.

b- Quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện :

Theo quan điểm của Viện thì một số điều khoản của Sắc-luật số 11/62 trái với Hiến-Pháp và Quyết-Nghị truy tố các nguyên đơn trong hiện vụ bất hợp hiến vì vi phạm điều 7 đoạn 4 Hiến-Pháp, Quyết-định này đã căn-cứ vào những bằng chứng buộc tội do sự tra tấn đe dọa hay cưỡng bách mà có.

c- Nhận xét quan điểm của Tối-Cao Pháp-Viện :

Về phương-diện pháp lý, các điều 3, 4, 5, 9, 12 và 13 đoạn 1 của Sắc-luật số 11/62 tổ chức Tòa-Án Quân-Sự Mặt-Trận trái với các điều 3, 76, 77, 78 và điều 7 đoạn 8 Hiến-Pháp là một sự hiến nhiên không ai có thể chối cãi được. Nhưng việc tuyên bố Trục tố lệnh số 1265/TA/MFLD/V3/TTL của Tổng-Trưởng Quốc-Phòng bất hợp hiến đã gây ra nhiều tranh luận. Thật vậy, Trục tố lệnh của Ông Tổng-Trưởng Quốc-Phòng cũng như các biên-bản của cuộc điều-tra đều là những hành vi tự-pháp nên Tối-Cao Pháp-Viện không có thẩm quyền tuyên bố vi hiến như các hành vi hành-chánh.

Trục tố lệnh của Tổng-Trưởng Quốc-Phòng đưa nội vụ ra trước tòa có giá trị giống như khởi tố lệnh của Biện-ly ; riêng các biên bản điều tra của Nha Giám Đốc Cảnh-Sát nếu làm sai luật thì do các Tòa Án hình sự hủy bỏ.

Tối Cao Pháp-Viện chỉ cần tuyên bố một số điều-khoản của Sắc-luật số 11/62 tổ chức Tòa Án Quân-Sự Mặt-Trận bị vi hiến thì hậu quả tất nhiên của việc

hành xử thẩm quyền thoát sinh từ Sắc-luật này sẽ vô giá trị, nghĩa là Trục tố lệnh trên không có căn-bản nội dung, mặc dầu về phương diện hình thức nó là một hành vi tư pháp không thuộc thẩm quyền tuyên phán bất hợp hiến của Viện.

Việc tuyên phán Trục tố lệnh số 1265 bất hợp hiến là một vấn đề tế-nhị vì điều 12 Sắc-Luật số 11/62 quy-định "Tòa Án Quân-sự tại Mặt-Trận xử chung thẩm. Mọi phương chức kháng án và phá án không áp-dụng". Như thế thì Ban Phá Án phòng hình của Viện cũng không thể hủy bỏ các biên-bản điều tra sai luật. Và vấn đề vì thế trở nên bế tắc.

Tuy nhiên về phương diện chính-trị, phán-quyết này có giá trị như là một án lệ nguyên tắc. Theo đó, sự phân quyền giữa Tư-Pháp và Hành-Pháp phải được áp dụng, đồng thời sự tự do nhân thân cũng như quyền biện hộ của bị can phải được triệt để tôn-trọng. Có như thế các công-quyền tự-do mới được bảo đảm.

Ngay chính trong Kết-luận-trạng ngày 28-4-1970 của Viện Chương-ly cạnh Tối-Cao Pháp-Viện với những lời lẽ danh thép xin bác khước hai khước biện trên cũng đã dè dặt hai lần xác định "Chiếu chỉ như vậy đúng về mặt pháp lý và chỉ đúng về mặt pháp lý mà thôi". Và trong phiên xử ngày 29-4-1970, Chương lý cạnh Tối-Cao Pháp-Viện đã tự ý bằng kết luận miệng xin rút kết luận trạng ngày 28-11-1970 vừa nói.

Điều đó phù hợp với nguyên tắc "La Plume est serve, la parole est libre" (cây bút thì lệ thuộc, lời nói thì thông dong) dành cho Thẩm-Phán Công-Tổ một ít quyền tự do độc lập để hành xử nhiệm vụ theo luật pháp và lương tâm. Một Thẩm-Phán Công-Tổ khi làm việc trên giấy tờ buộc phải viết theo lệnh thượng cấp, nhưng trong lời nói lúc buộc tội trước tòa có quyền theo ý mình một cách tự do.

Vụ án Huỳnh-tấn-Mãm là một vụ án chính-trị nên chúng ta không lạ gì khi Tối-Cao Pháp-Viện đã bày tỏ một quan-điểm chính-trị để làm lắng dịu không khí tranh đấu của sinh-viên và các nguồn áp lực của dư luận qua báo chí, đồng thời cảnh cáo các viên chức cảnh sát về sự tra tấn các bị can. Phán quyết này cũng đóng góp một phần trong sự ban hành cấp bách Luật số 006/70 ngày 23-6-1970 sửa đổi Sắc-luật số 11/62 để việc phân quyền chính-trị và quyền lợi tư pháp của công dân đã quy-định trong Hiến-Pháp được tôn-trọng.

III/- Á N L Ê K I Ê M P H Á P.

Trong lãnh vực kiểm pháp, Tối-Cao Pháp-Viện đã xây dựng một hệ-thống án-lệ rất dồi dào trong một thời gian không đầy năm năm từ ngày Viện được thành lập đến nay. Các phán quyết kiểm pháp phần nhiều không có màu sắc chính-trị đặc biệt. Tựu-trung Tối-Cao Pháp-Viện chỉ hành xử tham quyền hiến định của mình để kiểm soát nhà cầm quyền hành-chánh trong các hành vi lạm quyền hầu bảo-vệ quyền lợi của người dân.

MUC II.- KHUYNH-HƯỚNG CỦA TỐI-CAO PHÁP-VIÊN.

Qua các án-lệ bảo-hiến có tính cách tiêu biểu nhất vừa kể, chúng ta có thể tìm thấy được khuynh hướng chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện trong việc giải thích Hiến-Pháp và Luật-Pháp. Khuynh-hướng đó tựu trung có thể quy vào hai điểm chính là điều hòa sinh-hoạt chính-trị Quốc-Gia và xây dựng nền dân chủ phối thai tại nước nhà.

I/- ĐIỀU HÒA SINH HOẠT CHÍNH TRỊ QUỐC-GIA.

Tối-Cao Pháp-Viện trong hoạt động bảo hiến ít nhiều giống như các tòa án khác, áp-dụng luật pháp vào các trường hợp riêng biệt, nhưng Tối-Cao Pháp-Viện còn làm nhiều hơn thế nữa. Vì rằng bản văn của luật pháp

thành văn không thể là tất cả luật pháp. Nhiều trường-hợp mới xảy ra và luật pháp phải giải-quyết các trường-hợp này. Thịnh-thoảng Quốc-Hội thông qua những luật mới để giải-quyết các trường-hợp mới, nhưng đôi khi Viện cũng tìm thấy những ý nghĩa mới trong các điều luật cũ mà tuyên bố là phù hợp với tinh thần của luật cũ.

Vấn đề phải thích nghi hóa luật lệ như thế nào là một quyết-định chính-trị tùy thuộc chính yếu của lập-trường cá nhân các vị Thẩm-Phán Tối-Cao. Những nhân vật này không tách rời khỏi hệ thống chính-trị bởi họ đã do Quốc-hội tuyển chọn và Tổng-Thống bổ-nhiệm, đồng thời họ cũng không quên tiêu chuẩn đạo đức và sự phê phán chính-trị của Quốc-dân.

Trong năm năm qua, Tối-Cao Pháp-Viện đã nhiều lần đóng góp vào việc giải-quyết các cuộc tranh-chấp giữa các cơ-quan công quyền cũng như một vài cuộc khủng hoảng chính-trị trầm trọng có thể đưa đến sự đổ vỡ nền Đệ II Cộng-Hòa.

Với vai trò trọng tài giữa Lập-Pháp và Hành-pháp, giữa hai viện Quốc-Hội, Tối-Cao Pháp-Viện đã trình bày quan điểm của mình theo khuynh-hướng chính-trị chứ không phải thuần túy pháp lý. Chính trị ở đây không phải là chính-trị phe nhóm mà là ở sự linh-động và uyển-chuyển trong các phán quyết. Mặc dầu mới thành lập, Tối-Cao Pháp-Viện đã gây được niềm tin tưởng của mọi giới trong sự dung hòa các quyền lợi của Quốc-dân với sự thiết bách của Quốc-Gia.

Tuy nhiên sự linh-động và uyển-chuyển đó không có nghĩa là một sự thiếu ổn cố về phương diện pháp lý, bởi vì Tối-Cao Pháp-Viện thường thận trọng phân tích minh bạch mọi uẩn khúc của các vấn đề để thụ lý và dẫn chiếu lý do rất đầy đủ trong các án văn.

Trong một số trường-hợp mà sự tranh chấp giữa Hành-Pháp và Lập-Pháp không mấy hấp dẫn dư-luận và có thể giải-quyết bằng yếu tố thời-gian, nhất là khi Hành-Pháp đặt Quốc-Hội trước một chuyện đã rồi, thì Tối-Cao Pháp-Viện thường có một thái-độ rất dè-dặt. Chẳng hạn như phán quyết ngày 29-3-1969 về việc 25 Nghị-sĩ trong văn thư ngày 10-2-1969 đặt vấn đề "khi một Nghị-sĩ giữ một nhiệm vụ bên Hành-Pháp và coi đó là đặc nhiệm thì như thế có phải là vi hiến không ? và có phải coi là Nghị-sĩ đó đương nhiên từ chức Nghị-Sĩ không ?" Tối-Cao Pháp-Viện đã bày tỏ quan-điểm như sau : "Văn thư ngày 10-2-1969 không nại một bản-văn lập-pháp hay lập-qui do đó Tối-Cao Pháp-Viện không có đối-tượng để phán-quyết tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến!"

II/- XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ PHỐI THAI.

Ở các nước chậm tiến như Việt-Nam, Xã-hội không sẵn sàng đón nhận sinh-hoạt chính-trị theo chiều hướng dân chủ thật sự. Thông thường người ta chỉ trích các nhà lãnh-đạo chính-trị trong chính-quyền nhất là cơ quan Hành-Pháp mà người ta không lưu ý đến các khiếm khuyết nội tại của xã-hội từ phía dân-chúng, chính đảng, tôn-giáo, sắc tộc, địa-phương...

Do đó, nền dân-chủ pháp trị phải được bảo đảm bởi Tối-Cao Pháp-Viện. Với vai-trò điều khiển guồng máy tài-phán trong quốc-gia, Tối-Cao Pháp-Viện có thể bảo vệ người dân trước các hành vi lạm quyền của các nhà lãnh đạo chính-trị và chỉ-huy hành-chánh, đồng thời giới-hạn sự tự do tác trách của dân-chúng trước nhu cầu an-ninh xã-hội và quyền-lợi Quốc-gia.

Lần đầu tiên trong lịch-sử pháp chế Việt-Nam, hệ thống tài-phán được hoàn toàn độc-lập với cơ-quan Hành-pháp về phương diện chính-trị và hành-chánh, và được lãnh đạo bởi Tối-Cao Pháp-Viện. Tối-Cao Pháp-Viện không những là một Tòa Phá-Án mà còn là một cơ-quan

chính-trị ngang hàng với hai công-quyền Lập-Pháp và Hành-Pháp của Quốc-Gia. Người ta có thể đo lường mức độ dân chủ của một Quốc-gia bằng sự độc lập của các Tham-Phán xử án. Bởi vậy một hệ thống tài phán mạnh cũng là một hình thức xây dựng dân chủ, hướng dẫn quần chúng có tinh thần trọng pháp và ngăn chặn mọi mầm mống đưa đến tình-trạng độc tài chính-trị.

Sinh hoạt dân chủ trong một Quốc-Gia chậm-tiến cũng có nhiều hình thức ấu trĩ không những trong dân chúng mà ngay cả đến những lãnh tụ chính-trị có uy tín. Chẳng hạn như các ứng cử viên Tổng-Thống 1971 khi thì nộp đơn ứng cử, khi thì rút đơn. Một ứng cử viên Tổng-Thống nếu đắc cử sẽ là một nhà lãnh đạo Quốc gia, thì việc ứng cử là một quyết định chính-trị rất quan-trọng liên quan đến vận mệnh đất nước. Vì thế ứng cử viên không nên có thái độ do dự, chứng tỏ thiếu tinh thần cả quyết của một nhà lãnh đạo. Thái độ do dự đó đã đưa đến cuộc khủng hoảng chính-trị vì chỉ còn có một liên danh ứng cử Tổng-Thống.

Cuộc khủng hoảng đã chấm dứt bằng quyết định của Tối-Cao Pháp-Viện tuyên bố kết quả cuộc bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống nhiệm kỳ 1971 - 1975 tổ chức ngày 3-10-1971. Quyết-định này được xem như là một hành vi chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện để hợp thức hóa một thực-tế chính-trị. Nếu không, sự khủng hoảng có thể đưa đến việc chấm dứt thi hành bản Hiến-Pháp và khi đó tương lai chính-trị của Quốc-Gia thật là đen tối.

✱

✱ ✱

CHƯƠNG V

MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP CHÍNH TRỊ CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN

Quyền Tư-Pháp độc-lập được ủy-nhiệm cho Tối-Cao Pháp-Viện và được hành xử bởi các Thẩm-Phán xử án. Nhưng Tối-Cao Pháp-Viện khó lòng hoàn toàn độc-lập bởi vì các Thẩm-Phán Tối-Cao phải chịu áp lực từ nhiều phương vị khác nhau, nào là cử tri đoàn và dư luận quần chúng, nào là cơ quan Lập-Pháp qua thể thức chọn lựa và cơ-quan Hành-Pháp qua thể thức bổ nhiệm. Và cuối cùng một áp-lực nội tại quan-trọng nhất luôn luôn đè nặng trên trách nhiệm của các Thẩm-Phán Tối-Cao là quyền lợi của Quốc-Gia.

Để có thể đo lường được mức độ độc lập chính trị của Tối-Cao Pháp-Viện, người viết lần lượt trình bày các điểm chính sau đây :

- Thành phần Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện.
- Những áp-lực đối với Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện.
- Mức độ độc lập chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện.

MỤC I. - THÀNH-PHẦN THẨM-PHÁN TỐI-CAO
PHÁP-VIÊN.

I/- THÀNH PHẦN ĐẠI-HỘI-ĐỒNG TỐI-CAO PHÁP-VIÊN.

Theo Hiến-Pháp, Tối-Cao Pháp-Viên gồm từ 9 đến 15 Thẩm-Phán do Quốc-Hội tuyển chọn và Tổng-Thống bổ nhiệm theo một danh sách 30 người do Thẩm-Phán Đoàn, Công-Tổ Đoàn, Luật-Sư Đoàn bầu lên với nhiệm kỳ là 6 năm.

Nhưng hiện nay, trong nhiệm kỳ đầu tiên, Tối-Cao Pháp-Viên chỉ gồm 9 Thẩm-Phán mà thôi. Chín vị Thẩm-Phán này hợp thành Đại Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viên.

Ứng tuyển viên Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viên phải nộp đơn tại Hội-đồng Tổ-chức Bầu-Cử. Thành phần Hội-Đồng này gồm có Chủ-tịch Thượng Nghị-Viện làm chủ-tịch, Chủ-tịch Hạ Nghị-Viện làm Phó chủ-tịch, một Nghị-Sĩ, một Dân-Biểu, và một Thẩm-Phán xử án, một Thẩm phán công tố, một luật sư không ra tranh cử làm hội viên.

Thẩm Phán đoàn, Công Tổ đoàn, Luật-sư đoàn bằng thể thức liên-danh đa số bầu cử trong ngành của mình năm liên-danh, mỗi liên-danh mười người. 150 vị của ba thành phần này sẽ là cử tri đoàn bầu cử 30 vị ứng tuyển viên Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viên bằng thể-thức đơn danh hợp tuyển, trực tiếp và kín. Mỗi cử tri có quyền bầu tối đa 30 ứng tuyển viên, tuy nhiên, chỉ được bầu tối đa 10 ứng tuyển viên cho mỗi thành phần

Trong trường hợp số ứng tuyển viên trúng cử chưa đủ 30 người, số còn thiếu sẽ được chọn trong những ứng tuyển viên còn lại có số phiếu cao nhất không phân biệt thành phần.

Sau đó, Quốc-Hội sẽ họp khoáng đại Lương-Viện để chọn lựa 15 Thẩm-Phán Tối-Cao trong số 30 ứng-tuyển viên trên. Chủ tịch Thượng Nghị-Viện chuyển đến Tổng-Thống danh sách 15 Thẩm Phán Tối-Cao đã được chọn, để Tổng-Thống bổ nhiệm bằng Sắc-lệnh.

Thẩm Phán Tối-Cao Pháp-Viện được hưởng quyền đặc miễn tài-phán như một Nghị-Sĩ. Khi đặc cử các Thẩm Phán Tối-Cao không được hành nghề riêng của mình nữa. Các quân nhân đặc cử đương nhiên coi như giải-ngũ. Các Thẩm-Phán mãn nhiệm kỳ có thể tái cử hoặc đương nhiên qui hồi ngạch cũ.

II/- CUỘC KHỦNG HOẢNG VỀ THÀNH PHẦN TỐI CAO PHÁP VIỆN.

Theo điều 4 Luật 007/68 tổ chức và điều hành Tối-Cao Pháp-Viện thì thành phần Viện gồm 15 Thẩm-Phán do Quốc-Hội tuyển chọn và Tổng-Thống bổ nhiệm căn cứ trên một danh sách 30 người do Thẩm-Phán Đoàn, Công-Tố Đoàn, Luật-Sư Đoàn bầu lên. Tuy nhiên trong giai đoạn mới thành lập, Viện chỉ gồm 9 Thẩm-Phán. Để bổ túc nhân số cho đủ 15, giữa năm thứ ba nhiệm kỳ đầu tiên của các Thẩm-Phán Tối-Cao, sẽ tổ chức một cuộc bầu cử và tuyển chọn 6 Thẩm-Phán.

Thi hành điều này, ngày 24-9-1971, Hội-đồng Tổ-chức Bầu-Cử được triệu tập để ấn-định lịch trình cho cuộc bầu cử bổ túc 6 Thẩm Phán Tối-Cao.

Nhưng ngày 20-4-1971 Tối-Cao Pháp-Viện đã tuyên phán thế thức bầu cử bổ túc ấy bất hợp hiến vì lẽ "sự tuyển chọn thêm 6 Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện cũng trên một danh sách 30 ứng tuyển viên đã làm sai lạc tỷ số hiến định!"

Phán quyết này đã gây sôi nổi trong dư luận và làm đầu đề cho nhiều cuộc tranh-luận trên báo chí hoặc tại diên đàn Quốc-Hội. Lập trường cực đoan nhất là của Ủy-Ban Tư-Pháp Định-Chế Thượng-Viện. Ủy-Ban này cho rằng 9 vị Thẩm-Phán Tối-Cao đương nhiệm nên từ chức để tỏ lòng tôn-trọng Hiến-Pháp vì cuộc bầu cử 9 vị này năm 1968 theo tỷ số tuyển chọn là 9/24 thay vì 9/30 hay 15/30 nên cũng bất hợp hiến (bản nhận định ngày 3-5-1971 về phán quyết ngày 20-4-1971).

Tối-Cao Pháp-Viện đã ra một thông cáo ngày 12-5-1971 minh xác rằng thành phần Tối-Cao Pháp-Viện đương nhiệm đã được tuyển chọn theo tỷ-lệ lý thuyết hiến định 9/30 nên hợp hiến. Con số 24 chỉ là con số thực tế vì Luật-sư đoàn chỉ có 4 ứng tuyển viên.

Phán quyết ngày 7-6-1971, Tối-Cao Pháp-Viện lại tái xác định thành phần hiến hữu của Tối-Cao Pháp-Viện không vi hiến.

Do đó, Quốc-hội đã thông qua dự-luật tu chính Luật số 007/68 để chấm dứt tình-trạng khủng hoảng một định chế chính-trị căn-bản của chế độ. Ngày 29-6-1971 Tổng-Thống đã ban hành Luật số 10/71 để sửa đổi và bổ túc Luật số 007/68 ấn-định Tổ-chức và Điều-Hành Tối-Cao Pháp-Viện. Trong đó điều 1 qui-định : "Tối-Cao Pháp-Viện gồm 15 Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện do Quốc-Hội tuyển chọn và Tổng-Thống bổ nhiệm theo một danh sách 30 người do Thẩm-Phán đoàn, Công-Tổ đoàn, Luật-sư đoàn bầu lên. Trong nhiệm-kỳ đầu tiên Tối Cao Pháp-Viện chỉ gồm 9 Thẩm-Phán. Nhiệm kỳ Thẩm-Phán Tối-Cao là 6 năm".

MỤC II. - NHỮNG ÁP-LỰC ĐỐI VỚI THẨM PHÁN TỐI CAO PHÁP-VIÊN.

I/- ÁP-LỰC CỦA DƯ-LUẬN VÀ CỬ TRI ĐOÀN.

Dư-luận ở đây gồm cả dư-luận của những người sống trong ngành Tư-Pháp cũng như dư-luận của quần-chúng thể-hiện qua báo-chí.

Một phán-quyết của Tối-Cao Pháp-Viện được quần-chúng ủng hộ thì có nhiều hy-vọng bắt buộc Hành-Pháp phải thi hành, mặc dầu phán-quyết đó không có lợi cho cơ-quan Hành-Pháp. Ngược lại một phán-quyết của Tối-Cao Pháp-Viện không được quần-chúng ủng-hộ thì uy-tín của Tối-Cao Pháp-Viện sẽ giảm sút bởi vì Tòa án

trên nguyên tắc cũng như trên thực-tế chỉ xử án theo luật-pháp và lương-tâm chứ không thi-hành bản án của mình. Do đó các Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện rất dè dặt và đôi khi tránh né trước những vấn-đề chính-trị nhất là vấn-đề có tính-cách chính-sách. Án-lệ Việt-Nam cũng phô-dien được khuynh-hướng đó mà người viết đã phân-tích trong chương IV. Nhưng thái-độ dè-dặt này sẽ được thấy rõ khi đối chiếu án-lệ của Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ.

Trong vụ án Marbury kiện Madison năm 1803, Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ đã mở một lối thoát chính-trị thật vô cùng khéo léo. Marbury được bổ-nhiệm làm Thẩm-Phán ở thành phố Hoa Thịnh-Đốn vào những ngày cuối cùng pháp-nhiệm của Tổng-Thống J. Adams. Khi Tổng-Thống T. Jefferson lên thay thì tân Ngoại-Trưởng J. Madison không chịu tống đạt Nghị-định bổ-nhiệm cho đương-sự. Đương-sự bèn yêu cầu Tòa án hữu-quyền ra lệnh cho J. Madison phải tống-đạt Nghị-định nói trên. Ít năm sau nội vụ lên tới Tối-Cao Pháp-Viện.

Tối-Cao Pháp-Viện dưới quyền điều-khiển của Viện-Trưởng Marshall đã phán rằng Marbury có quyền hưởng sự bổ-nhiệm và Ngoại-Trưởng Madison dấu giữ như thế là có hành động độc đoán và sai-lầm, nhưng Pháp-Viện không thể truyền lệnh buộc Ông ta trao lại Nghị-Định cho Marbury vì Hiến-Pháp tuy đã vạch rõ những gì Viện có thể làm, lại không đề cập đến một mệnh-lệnh như thế. Vì vậy mặc dù Quốc-Hội năm 1789 (dưới quyền kiểm soát của phe Liên-Bang) đã thông-qua một đạo-luật cho phép Viện truyền những lệnh tương tự, nhưng Quốc-Hội không có quyền nới rộng thẩm quyền của Viện, cho nên vì lý do đó đạo-luật ấy có tính cách phản hiến phải bị truất bãi và vô hiệu lực.

Hơn ai hết Viện-Trưởng Marshall ý thức được rằng Tối-Cao Pháp-Viện không có lấy một người lính hay một viên canh-sát để thi hành phán-định của Viện. Các Canh-sát trưởng của Hoa-Kỳ thì có quyền canh sát nhưng

họ lại chịu trách-nhiệm với Tổng-Thống, không phải với Viện. Tổng-Thống có quyền điều khiển Hải-Lục Không-quân Quốc-hội có quyền tuyên chiến và thâu thuế, còn Viện thì không có quyền gì cả trừ cái quyền loan báo phán quyết của Viện. Marshall thừa hiểu rằng loan báo phán quyết rồi bắt lực không áp-dụng được phán-quyết đó thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Vấn đề đặt ra là công bố phán-quyết mà hai ngành công-quyền kia sẽ không mấy ưa và không cần võ lực mà vẫn áp-dụng được phán-quyết đó.

Qua phán-quyết này, Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ đã đặt ra nguyên-tắc kiểm hiến tính các đạo-luật, với hậu ý như là một phương thức ngăn chặn Tổng-Thống Cộng-Hòa Jefferson theo đuổi một chính-sách xã-hội quá khích. Từ đó, Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ là một cơ-quan uy-tín nhất của chế-độ đến nỗi người ta thường cho rằng chính phủ Hoa-Kỳ là chính phủ của các Ông Tòa (Le gouvernement des juges). Nhưng quyền uy này chỉ diễn ra trong vòng một thế kỷ rưỡi từ 1800 đến 1940. Dưới thời Tổng-Thống Roosevelt việc thi hành chính sách tân kinh tế (New Deal) đã gặp trở ngại vì Tối-Cao Pháp-Viện đã tuyên bố bất hợp hiến những đạo-luật kinh-tế và xã-hội mà mục đích cứu vãn nền kinh-tế Hoa-kỳ qua khỏi cơn đại khủng hoảng và đình-trệ. Tổng-Thống Roosevelt yêu-cầu Quốc-Hội thông qua một đạo-luật nâng số Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện từ 9 lên 15. Trước nguy cơ bị thay đổi hoàn toàn, Viện-Trưởng Hughes đã thuyết-phục được Thẩm-Phán Tối-Cao Roberts theo quan điểm của ông là các đạo-luật này thuộc phạm-vi chính-sách chứ không phải là vấn đề Hiến-Pháp. Vì thế Tối-Cao Pháp-Viện đã có đủ túc số 5/9 Thẩm-Phán Tối-Cao để chấp nhận chính sách Tân Kinh-Tế và giữ được uy-tín của Viện trước làn sóng công-kích của quần chúng. Sự nhượng bước của Viện trước chính sách New Deal thật hợp lý vì Tổng-Thống Roosevelt đã được dân chúng Hoa-kỳ tín nhiệm liên tiếp trong 4 nhiệm kỳ 1932 - 1936, 1936 - 1940, 1940 - 1944 và 1944 - 1948. Điều đó chứng tỏ rằng quan điểm trước kia của Viện không được dân chúng Hoa-kỳ ủng-hộ. Các

pháp chế sử gia Hoa-kỳ dùng thời điểm 1940 để ghi nhận sự suy tàn của chính phủ các ông Tòa.

Trở lại trường-hợp Tối-Cao Pháp-Viện Việt-Nam, ngoài áp-lực của dư-luận, Tối-Cao Pháp-Viện còn chịu ảnh hưởng của cử-tri đoàn tức là những người bầu các ứng-tuyển viên. Phán-quyết của Tối-Cao Pháp-Viện thường viên dẫn rất nhiều lý do pháp lý và chính-trị đồng thời cân nhắc sự lợi hại của mỗi quan-điểm. Vì quan-điểm của Tối-Cao Pháp-Viện sẽ được phê phán bởi cử tri đoàn, một thành phần cử tri hoàn toàn có khả năng chuyên môn tư pháp. Do đó, uy tín của các vị Thẩm Phán Tối-Cao được lượng giá qua khả năng của họ.

II/- ÁP LỰC CỦA CƠ QUAN LẬP-PHÁP VÀ HÀNH-PHÁP.

Quốc-Hội tuy được chọn 9 trong số 30 ứng tuyển viên và Tổng-Thống có bốn-phần phải bổ-nhiệm các Thẩm-Phán Tối-Cao. Nhưng sự tuyển chọn của Quốc-Hội ảnh hưởng rất nhiều đến thái-độ, tác phong của các Thẩm Phán Tối-Cao, nhất là khi các vị này có ý định tái ứng cử khi mãn nhiệm kỳ.

Ngoài ra, một phán-quyết của Tối-Cao Pháp-Viện nếu được cơ quan Lập-Pháp và Hành-Pháp thi hành thì phán quyết đó mới có giá-trị. Ngược lại, nếu các cơ quan trên không thi-hành thì uy tín của Viện sẽ bị lung lay. Do đó các vị Thẩm Phán Tối-Cao luôn luôn đề dặt trong các phán quyết thuộc phạm-vi chính-trị.

III/- Q U Y Ề N - L Ợ I Q U ố C G I A.

Các cơ-quan Tài-phán cấp sơ-thẩm và Thượng-thẩm chỉ xét xử vấn đề dưới hai khía cạnh sự kiện và pháp-luật, còn Tối-Cao Pháp-Viện khi tuyên phán một vấn đề có tính-cách chính-trị thuộc thẩm-quyền ban Bảo Hiến thì phải xét dưới khía cạnh công-lý nữa. Chính vì thế người ta cho rằng Tối-Cao Pháp-Viện là Tòa án của công-lý.

Nói cách khác, khi một Tòa án của luật lệ phán quyết "đây là luật", phận sự của Tòa án đến đó là hết. Trái lại, Tòa án của Công-lý phải nói "đây là phải". Đó là vai trò xây dựng công lý và thống nhất hóa án lệ của Tối-Cao Pháp-Viện.

Ngoài ra, Tối-Cao Pháp-Viện còn phải hiện đại hóa Hiến-Pháp, vì Hiến-Pháp được xây dựng ở một hoàn cảnh xã-hội khác. Cho nên các vị Thẩm-Phán Tối-Cao cố thể giải thích Hiến-Pháp theo chiều hướng phù hợp với nhu cầu hiện tại. Như thế phán-quyết của Viện phải căn cứ vào quyền-lợi Quốc-Gia, ý chí của nhà Lập Pháp đương nhiệm và dư luận của quần chúng.

MỤC III.- MỤC ĐỘ ĐỘC-LẬP CHÍNH-TRỊ CỦA TỐI CAO PHÁP-VIÊN.

I/- ƯU-THÊ CỦA QUYỀN HÀNH-PHÁP TRƯỚC TRÀO-LƯU CHÍNH-TRỊ HIỆN ĐẠI.

Nguyên-tắc phán-quyết công sản của các chế-độ chính-trị cổ-diện theo quan-niệm dân-chủ tự-do càng ngày càng trở nên lỗi thời. Ngày nay người ta có khuynh-hướng đề cao ưu thế của quyền Hành-Pháp vì thực tại chính-trị quốc-nội và quốc tế đều đòi hỏi một guồng máy chính quyền mạnh và hữu hiệu.

Trong các chế-độ chính-trị mà quyền Lập-Pháp nắm ưu thế từ thế kỷ thứ 18 đã gây nên những bất ổn chính-trị, nên không thể lãnh đạo quốc-gia một cách liên-tục hầu phát-triển và kiến tạo nên thịnh vượng chung.

Ngoài ra Tổng-Thống cũng như Dân-biểu và Nghị Sĩ đều do dân bầu, nên cơ quan Hành-Pháp cũng có tư cách đại diện dân như cơ quan Lập-Pháp. Trên phương-diện Quốc-tế, vị thủ lãnh Hành-Pháp là vị đại-diện

chính thức cho Quốc-Gia. Những công tác ngoại-giao thông-thường do Bộ Ngoại-Giao đảm trách và cơ quan Lập-Pháp bị đặt trước một tình trạng đã rồi và chỉ đóng vai trò chấp nhận.

Trong Quốc-gia, những đòi hỏi nội bộ của nền dân chủ hiện đại khiến cơ quan Hành-Pháp càng ngày càng can thiệp vào mọi lãnh vực Kinh-tế, Văn-hóa, Xã-hội... Quan niệm quốc-gia cảnh sát trước kia được thay bằng quan niệm quốc-gia an-lạc - Theo quan-niệm này quốc-gia có bổn-phận không những giữ gìn an-ninh trật-tự chung mà còn hoạch định chính sách trên mọi lãnh vực nhằm phát-triển quốc-gia, tạo cơ-hội bình-dẳng để mọi người có thể thăng tiến được. Muốn chu toàn được những nhiệm vụ đó tất nhiên cơ-quan Hành-Pháp phải là cơ-quan có nhiều quyền hành nhất trong các cơ-quan công-quyền của quốc-gia.

Do đó, sự độc-lập của cơ-quan Tư-Pháp là một sự độc lập có hạn chế.

II/- MỨC ĐỘ ĐỘC-LẬP VÀ UY-TÍN CỦA THẨM PHÁN TỐI CAO.

Như trên đã phân-tích, sự ưu thế của cơ-quan Hành-Pháp là một thực-tế không chối cãi được. Cơ-quan Hành-Pháp có thể chi-phối mọi định chế khác của Quốc-Gia. Trong thực-tại sinh-hoạt chính-trị nước nhà, người ta thấy cơ quan Hành-Pháp đã có nhiều ảnh-hưởng tại Quốc-Hội, nhất là Hạ-Nghị-Viện, và qua Quốc-hội ảnh-hưởng đến sự lựa chọn Thẩm-Phán Tối-Cao.

Cơ-quan Hành-pháp gây ảnh-hưởng tại Quốc-Hội bằng cách ra chỉ-thị cho các Dân-biểu và Nghị-sĩ thân chính-quyền hay là đảng viên đảng chính lập hoặc mua chuộc các thành-phần độc-lập hay đôi lập khác trong việc tuyển chọn Thẩm-Phán Tối-Cao.

Tóm lại, Thẩm-Phán Tối-Cao chịu ảnh hưởng hoặc áp-lực chính-trị của Luật-sư, Thẩm-Phán xử án, Thẩm-Phán công tố trong giai-đoạn bầu 30 ứng-tuyển viên, của Dân-Biểu Nghị-Sĩ và Cơ-quan Hành-Pháp trong giai-đoạn tuyển-chọn Thẩm-Phán Tối-Cao chính-thức, và nhất là của cơ-quan Hành-Pháp trong giai-đoạn thi hành phán-quyết của Viện. Nhưng áp-lực quan-trọng nhất vẫn là áp-lực của dân chúng qua dư-luận báo-chí. Khi dân-chúng muốn rằng Tối-Cao Pháp-Viện phải là một Viện của công-lý chứ không phải là Viện của pháp lý thì Viện phải vô cùng dè dặt. Thông thường trong các trường-hợp này chính-sách táo-bạo của Chính-phủ được dân chúng hậu-thuần, và dân chúng muốn Viện phải giải thích luật-pháp phù-hợp với công-luận.

Trường-hợp nan giải cho Viện là khi dân-chúng và chính-phủ đang đứng trước một tranh-chấp chính-trị mà Viện có nhiệm-vụ phải làm trọng tài. Phán-quyết của Viện có thể bị cơ-quan Hành-Pháp không thi-hành hay bị dân chúng phản đối. Đây là lúc uy-tín của Viện bị nhiều thử-thách nhất. Nhưng nhiệm-kỳ của Thẩm-Phán Tối-Cao là sáu năm nên thời gian có thể hàn gắn và bồi đắp lại cho uy-tín của Viện nếu nhất thời vì quyền lợi quốc-gia mà phán-quyết của Viện bị dân chúng phản đối hay cơ-quan Hành-Pháp không thi-hành.

Chúng ta có thể nói đôi khi uy-tín của Viện và sự độc-lập của Thẩm-Phán Tối-Cao tự nó là hai đĩa cân trong một cân cân thiên bình. Khi một Thẩm-Phán Tối-Cao có tinh-thần công-tâm và thanh-khiết thì mọi áp-lực không ảnh-hưởng gì được, vì Thẩm-Phán Tối-Cao này chỉ còn một sự lựa chọn để quyết-định là sự cân nhắc giữa pháp lý và công-lý. Nhưng nếu hai lãnh-vực này trùng hợp nhau thì vấn-đề đã quá sáng tỏ và sự lựa chọn vì thế cũng dễ dàng hơn.

★

★ ★

CHƯƠNG VI

KẾT LUẬN

Trước khi đưa ra một vài nhận xét về vai-trò chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện, người viết tóm lược đại-cương diễn-tiến tư-tưởng đã được trình bày, và những khuyết điểm của Luận-văn này.

I/- TÓM LƯỢC NỘI DUNG LUẬN VĂN.

Như đề tài đã minh-dịnh, người viết chỉ khảo sát khía-cạnh chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện tại Việt-Nam trong nền đê-nhi Cộng-Hòa.

Sau khi giới thiệu định chế Tư-Pháp này theo Hiến-Pháp 1967 như là một trong 3 công-quyền, độc-lập với cơ-quan Lập-Pháp và Hành-Pháp, tác giả lần lượt khảo-sát các tham-quyền tài-phán và ngoại-tài phán có tính cách chính-trị của định-chế. Và từ đó nghiên-cứu đến sinh-hoạt thực sự của Tối-Cao Pháp-Viện trong bối cảnh chính-trị Quốc-gia. Phân tích các án-lệ đã được tuyên phán để tìm hiểu vai-trò của Viện trong chế-độ cũng như sự đóng góp của Viện trong sinh-hoạt dân-chủ, người viết có thể nhìn thấy được khuynh-hướng chính-trị của các vị Tham-Phán Tối-Cao tại pháp-nhiệm đầu tiên 1968 - 1974 này. Khuynh-hướng đó hiện đã cho thấy một sự lạc-quan vô cùng khích-lệ. Viện luôn luôn đặt quyền lợi Quốc-Gia trên và trong các nhiệm vụ điều-hòa sinh-hoạt chính-trị của chế-độ, và xây-dựng nền dân chủ phôi thai tại nước nhà.

Tuy nhiên sự độc-lập của Viện cũng có nhiều giới hạn. Vì phương-pháp tuyển-chọn và bổ-nhiệm Tham-Phán Tối-Cao bắt buộc họ phải lệ-thuộc vào nhiều

nguồn áp-lực từ cử tri đoàn, cơ-quan Lập-Pháp và Hành-Pháp đến dư-luận quần-chúng v.v... Mặc dầu vậy, một vị Thẩm-Phán Tối-Cao có công-tâm vẫn hành xử nhiệm-vụ một cách hoàn toàn vô tư được. Duy chỉ có một áp lực quan trọng nhất đối với họ là sự giằng co giữa các tiêu-chuẩn pháp-lý và quyền-lợi Quốc-Gia trong trường-hợp có sự tranh-chấp này.

II/- NHỮNG KHUYẾT-ĐIỂM CỦA LUẬN VĂN.

Luận-văn này tuy được viết dưới khảo hướng chính-trị học nhưng vì phải nghiên-cứu một định-chế Tư-Pháp nên đôi khi phải dùng đến nhiều dữ-kiện pháp-lý. Đây là một khuyết-điểm kỹ-thuật mà người viết cố gắng nhưng vẫn không tránh hoàn-toàn được (necessary evil).

Hơn nữa, chính-trị và pháp-lý là hai bộ mặt của một vấn-đề, chúng có hỗ tương ảnh-hưởng với nhau như là một sự ràng buộc cơ-cấu. Từ thẩm-quyền pháp-lý phát-sinh ra vai trò chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện và ngược lại. Vì chính-trị học được định nghĩa như là một khoa-học xuyên khoa (interdisciplinary) bao gồm nhiều bộ môn khác trong đó có luật học. Do đó, luận-văn này có thể nói là được viết theo khảo hướng pháp-lý-chính-trị-học vậy.

Ngoài ra, vì giới hạn của một Luận-văn tốt nghiệp ban Đốc-sự nên nhiều vấn đề liên-quan đến vai trò chính-trị của Tối-Cao Pháp-Viện không được đề cập. Chẳng hạn như các liên lạc cơ cấu từ Tối-Cao Pháp-Viện đến các định-chế khác trong và ngoài hệ thống Tài-phần như Tòa án các cấp và Giám-Sát-Viện... Trên phương-diện đối chiếu, tác giả chỉ chú-trọng đến định-chế Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-kỳ nhưng cũng không có dịp so sánh, vì thật ra mỗi định-chế tuy có danh xưng giống nhau nhưng thực tế chính-trị lại khác nhau rất nhiều.

Mỗi định-chế phải sống trong và sống với một Quốc-gia và bị chi phối bởi tín niệm hệ của dân-tộc đó.

Nếu sự đối chiếu định-chế Tối-Cao Pháp-Viện Việt-Nam Cộng-Hòa với định-chế Tòa Phá Án Pháp hay định-chế Ombudsman của các nước Bắc Âu được thực-hiện thì Luận-văn sẽ rút ra được nhiều ưu khuyết-điểm hơn. Do đó sẽ có thể đưa một vài đề nghị mới xác thực hơn.

Về phương diện sưu tầm tài-liệu, tác giả dựa phần lớn vào tài-liệu Thư-Viện nên cũng có một số khuyết-điểm tất yếu của phương-pháp này. Tuy tác giả có phỏng vấn một số nhân vật am tường về sinh-hoạt của Tối-Cao Pháp-Viện, nhưng lại không phỏng vấn được đích danh các vị Thẩm-Phán Tối-Cao vì sự tiếp xúc với các vị này gặp nhiều khó khăn trên phương diện giao tế. Do đó, việc diễn tả khuynh-hướng chính-trị Tối-Cao Pháp-Viện chỉ dựa vào sự phân tích án lệ Bảo-Hiến mà thôi.

III/- NHẬN XÉT TỔNG-QUÁT VỀ VAI TRÒ CHÍNH-TRỊ TỐI-CAO PHÁP-VIỆN.

Có nhiều người thường chỉ trích phương cách tuyển chọn Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện theo Hiến-Pháp 1-4-1967 không bảo đảm một sự độc-lập hoàn toàn cho định-chế này. Theo họ, phương cách bổ-nhiệm Thẩm-Phán Tối-Cao tại Hoa-Kỳ là tốt đẹp hơn cả.

Trước khi phê bình quan-điểm trên, tưởng cần nên biết qua cách bổ-nhiệm Thẩm-Phán Tối-Cao tại Hoa-Kỳ như thế nào, nhiên hậu mới có thể so sánh được.

Theo Hiến-Pháp Hoa-kỳ, Tổng-Thống có quyền bổ-nhiệm, với sự chấp-thuận của Thượng Nghị-Viện, các Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện trong bất cứ thành-phần nào thuộc khối công-dân của Liên-Bang không phân biệt nghề-nghiệp, tôn-giáo, đảng phái, Sắc-tộc và phái tính. Pháp-Viện Trưởng cũng được bổ-nhiệm trực-tiếp như thế

chứ không phải do chín Thẩm-Phán Tối-Cao bầu lên.

Các Thẩm-Phán Tối-Cao được bổ-nhiệm tại chức suốt đời trừ khi xin từ chức hay xin về hưu. Sau khi được bổ-nhiệm, các Thẩm-Phán Tối-Cao được hoàn toàn độc-lập với Tổng-Thống và Quốc-Hội trong suốt thời gian ngồi tại Tối-Cao Pháp-Viện.

Tại Việt-Nam thể thức này khó lòng được chấp nhận vì theo tín-niem hệ Việt-Nam, Xã-hội được chi phối bởi quan-niem tôn-ti trật-tự. Cho nên vị thế của Quốc-Trưởng luôn luôn chiếm ưu-thế. Tất cả các trách nhiệm chính-trị đối với Quốc-Dân hầu như chỉ quy cho vị Thủ-Lãnh Hành-Pháp, và người dân cũng chỉ phê bình chế độ qua vị Nguyên-Thủ Quốc-Gia mà thôi. Tổng-Thống là đại-diện duy nhất của Quốc-Gia. Mọi quyền-hành đều tập-trung vào Tổng-Thống. Tổng-Thống có thể tham gia vào công tác lập-pháp bằng cách sáng quyền Lập-Pháp, Đọc và gửi thông-diệp cho Quốc-Hội, đồng thời có quyền triệu-tập phiên họp bất thường của Quốc-Hội và ấn-định Nghị-trình... Vì thế ba cơ-quan Lập-Pháp, Hành-Pháp, Tư-Pháp không thể nào ngang hàng nhau được.

Ngoài ra, theo trào lưu chính-trị hiện đại, các cơ-quan có khuynh-hướng "tái-lập vương-quyền" sau một thời gian dài "trượt bỏ vương-quyền", nghĩa là dành ưu thế cho cơ-quan Hành-Pháp để đáp ứng kịp thời với những đòi hỏi cấp bách của tình hình quốc-nội cũng như quốc-ngoại.

Vì thế Thẩm-Phán Tối-Cao được Quốc-Hội tuyển chọn và Tổng-Thống bổ nhiệm trong nhiệm kỳ giới hạn là một điều hợp lý.

Phương cách này tránh được sự độc tài của các ông Tòa như đã từng xảy ra tại Hoa-Kỳ trong gần một thế kỷ rưỡi (1800 - 1940).

Thật ra nguyên tắc phân quyền của Montesquieu khó lòng áp-dụng trong thực-tế, có lẽ sự phân chia quyền hành theo John Locke về phương diện Tư-Pháp hợp-ly hơn. Locke đã chủ trương quyền Hành-Pháp bao gồm cả quyền Tư-Pháp, cả hai đều có nhiệm vụ thi hành luật-lệ chung.

Theo thiên ý của người viết, sự tuyển chọn Thẩm Phán Tối-Cao trong 3 thành phần Luật sư, Thẩm-Phán xử án và Thẩm-Phán công tố quả thật thiếu sót. Vì cả ba thành phần này đều là những người sinh hoạt trong ngành Tư-Pháp và thông thường chỉ liên quan đến luật lệ và phương cách tổ tụng tư-luật (private law) mà thôi. Dĩ nhiên trong các thành phần này cũng có nhiều người là Thẩm-Phán Tòa Án Hành-Chánh. Nhưng hành-chánh khác với chính-trị mà Tối-Cao Pháp-Viện ngoài nhiệm vụ một Tòa Phá Án còn có tư cách là một cơ-quan tài phán chính-trị đòi hỏi các Thẩm-Phán Tối-Cao phải am tường những vấn đề công pháp (public law).

Do đó, người viết đề-nghị trong việc tuyển chọn Thẩm-Phán Tối-Cao ngoài ba thành phần trên, Quốc Hội nên tu-chính Hiến-Pháp và Luật Tổ-chức Tối-Cao Pháp-Viện để có thể có sự tham gia của các giáo-sư Công Pháp tại các trường Đại-Học Luật-Khoa Quốc-Gia vào thành phần Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện. Vì hơn ai hết các vị Giáo-sư Công-Pháp am tường rất nhiều về sự liên-hệ giữa pháp-ly và chính-trị hầu có thể nêu ra những ý kiến hữu-ích tại Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện trong các phán-quyết có tính cách chính-trị./-

Saigon, ngày 1 tháng 7 năm 1973

THƯ TỊCH

I. - SÁCH.

A. - ANH-NGỮ.

- SWISHER, CARL B. The Supreme Court in Modern Role. Newyork : Newyork University Press, 1958.
- JACKSON, ROBERT H. The Supreme Court in The American System of Govern-ment. Cambridge : Harvard University Press, 1955.
- SCHMIDHAUSER, JOHN R. The Supreme Court : Its Politics, Personalities and Procedures. Newyork : Holt, Rinchart and Wiston, 1960.
- RAMASWAMY, M. The Creative Role of The Supreme Court of The United California : Stanford University Press, 1956.

B. - VIỆT NGỮ.

- DUVERGER, MAURICE. Những Chế-Độ Chính-Trị Hiện-Nay. TẾ-XUYÊN. đg. Saigon : Khai-Trí, 1967.
- FAINSOD, MERLE. Thuật Trị Nước Tại Liên-Sô. ĐĂNG-TÂM. đg. Saigon : Đăng-Quang, 1970.
- COYLE, DAVID C. Cách Tổ-Chức và Sự Điều-Hành Nền Chính-Trị Hoa-Kỳ. NGUYỄN-NGOC-NHẠ. đg. Saigon : Việt-Nam Khảo-Dịch Xã, 1967.

- BERMAN, HAROLD J. Những Cuộc Nói Chuyện về Luật-Pháp Hoa-Kỳ. NGUYỄN-NGỌC-NHẠ. đg. Saigon : Việt-Nam Khảo-Dịch Xã. 1968.
- GABRIEL, RALPH H. Luận về Hiến-Pháp Hoa-Kỳ. K.t.dg. Saigon : Việt-Nam Khảo-Dịch Xã, 1966.
- JOHNSON, GERALD W. Tỏi-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ. THỜI NAY. dg. Saigon : Thời Nay. 1965.
- NGUYỄN-PHÚT-TẤN. Tư-Tướng Chính-Trị Đông-Tây Khái-Luận. Saigon : Khai-Trí, 1967.
- VŨ-VAN-MẪU. Dân-Luật Lược Giảng. Saigon : k.t., 1968
- TRƯƠNG-TIẾN-ĐẠT. HIẾN-Pháp Chú-Thích. Saigon : Học-Bình, 1967.
- NGUYỄN-VAN-BÔNG. Luật Hiến-Pháp và Chính-Trị Học. Saigon : Thư-Lâm Ấn-Thư-Quán, 1969.
- LÊ-ĐÌNH-CHÂN. Luật-Hiến-Pháp và Các Định-Chế Chính-Trị. Saigon : Sao-Mai, 1966.
- LÊ-ĐÌNH-CHÂN. Hiến-Pháp Độ Nhị Cộng-Hòa. Saigon : Sao-Mai, 1969.
- TRẦN-THỊ HOÀI-TRÂN. Lục-Lượng Chính-Trị, I. Saigon : k.t. 1972.

- NGUYỄN-ĐỘ. Luật Hành-Chánh. Saigon : k.t. 1968.

II.- GIẢNG VAN RONÉO.

- VŨ-QUỐC-THÔNG. Lịch-Trình Học-Thuyết Chính-Tri. Năm thứ Tư Cử-Nhân Công-Pháp. Đại-Học Luật Khoa Saigon : N.k. 1969 - 1970.
- NGUYỄN-NGỌC-HUY. Tư-Tướng Chính-Tri. Năm Thứ Nhất Đốc-Sự khóa 18. Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh : N.k. 1970 - 1971.
- NGUYỄN-ĐỘ. Công-Pháp Tụng. Năm Thứ Ba Cử-Nhân Công-Pháp. Đại-Học Luật-Khoa Saigon : N.k. 1972 - 1973.
- NGUYỄN-KHẮC-NHÂN. Định-Chế Tư-Pháp. Năm Thứ Nhất Đốc-sự khóa 18. Học-Viện-Quốc-Gia Hành-Chánh : N.k. 1970 - 1971.
- NGUYỄN-KHẮC-NHÂN. Luật Hành-Chánh Thâm-Cứu. Năm Thứ Nhất Cao-Học Hành-Chánh khóa 8. Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh : N.k. 1972 - 1973.
- LÊ-VAN-THẬN. Định-Chế Công-Quyền Đối-Chiếu. Năm Thứ Nhất Cao-Học Hành-Chánh 8 N.k. 1972 - 1973.
- NGUYỄN-QUỐC-TRI. Sách Lược Ứng-Dụng Các Mô-Thức Quản-Tri Hành-Chánh Tân-Tiến Vào Môi-Trường Việt-Nam. Năm Thứ Nhất Cao-Học Hành-Chánh khóa 8. Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh : N.k. 1972 - 1973.

III. - BÁO-CHÍ XUẤT-BẢN ĐỊNH-KỲ. -

- "Các Văn-Kiến Căn-Bản về Tổ-Chức và Điều-Hành Tối-Cao Pháp-Viện : Hiến-Pháp 1-4-1967, Luật 007/68, Nội-quy ngày 22-11-1968, Sắc-Lệnh số 06-TCPV/SL ngày 15-1-1969, Nghị-định số 210-TCPV/ND ngày 15-1-1969, Biên-ban Đại Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện ngày 22-11-1968" Tư-Pháp Tập-San, I (tháng 4-5-6 năm 1969), tr. 01-180.
- TRẦN-VAN-LINH. "Về một Sự Thay Đổi Chủ-Tịch Tối-Cao Pháp-Viện Mỹ-Quốc" Tư-Pháp Tập-San, 2 (tháng 7-8-9 năm 1969), tr. 5-24.
- NGUYỄN-VAN-BÔNG. "Tham-Chính-Viện Trong Chế-Độ Tư-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa" TPTS thượng đân, tr. 26-41.
- ĐỖ-QUANG-HUÊ. "Tối-Cao Pháp-Viện và Tổ-Tụng Thượng-Tổ Phế-Án những Phán-Quyết Hành-Chánh" TPTS thượng đân, tr. 42 - 48.
- LÊ-VAN-ĐINH. "Quyết-Định Hành-Chánh Trước Tối-Cao Pháp-Viện Việt-Nam Cộng-Hòa" Tư-Pháp Tập-San, 3 (tháng 10-11-12 năm 1969), tr. 257 - 270.
- TRẦN-VAN-LINH. "Về Quyền Yêu-Cầu Phúc-Nghi của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa" Tư-Pháp Tập-San, 1 (tháng 1-2-3 năm 1970), tr, 278 - 307.
- NGUYỄN-QUANG-QUYNH! "Nguyên-Tắc Bất Khả Kiệm Nhiệm trong Quy-Chế Nghị-Sĩ và Dân-Biểu đối-với chức vụ Công-Cử" Tư-Pháp Tập San, 2 (tháng 4-5-6 năm 1970), tr. 348 - 373.

- NGUYỄN-QUANG-QUÝNH. "Thẩm-Quyền của Tối-Cao Pháp-Viện!" Nghiên-Cứu Hành-Chánh, Tập XII số 4 năm 1969, tr. 29 - 59.
- NGUYỄN-KHÁC-NHÂN. "Khía-Cạnh Pháp-Lý về Thuế-Kiểm Ước : Lập-Pháp Kiện-Hành-Pháp!" NCHC thượng dân, tr. 111 - 131.
- NGUYỄN-QUANG-QUÝNH. "Khoản 7 điều 10 của Luật Bầu-Cử Tổng-Thống năm 1971," Nghiên-Cứu Hành-Chánh, Tập XIV số 4 năm 1971, tr. 3-14.
- NGUYỄN-DUY-THANH và PHAN-VAN-TÁM. "Vấn đề Kiểm-Soát sự Tôn-Trọng Hiến-Pháp của Tổng Thống!" NCHC thượng dân, tr. 15-33.
- LÊ-VAN-DỊNH. "Hành-Vi Hành-Chánh Hợp-Pháp và Bất Hợp-Pháp" NCHC thượng dân, tr. 110-130.
- TRẦN-VIỆT-LONG. "Diễn-Trình Tu-Thảo Luật-Pháp!" Tập San Quốc-Phòng, 21 (tháng Ba 1972), tr. 88-178C.

IV.- ẤN PHẨM CỦA CHÍNH-PHỦ.

- VIỆT-NAM CỘNG-HÒA. Thuyết-Trình về Hiến-Pháp. Saigon : Quốc-Hội Lập-Hiến, 1967.
 - VIỆT-NAM CỘNG-HÒA.
-

